

BỘ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM

VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH



GIỚI THIỆU VỀ MSD

Trung tâm Nghiên cứu Quản lý và Phát triển Bền vững (MSD) là một tổ chức khoa học công nghệ Việt Nam. **MSD** hướng tới một thế giới công bằng và bình đẳng, nơi các tổ chức xã hội đóng vai trò là các đối tác phát triển độc lập và hoạt động hiệu quả, nơi quyền của các tổ chức xã hội và quyền của các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương được đảm bảo và tôn trọng.

Là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, **MSD** nỗ lực hành động vì một môi trường phát triển thuận lợi cho sự phát triển của khối các tổ chức xã hội; thúc đẩy việc thực hiện quyền của các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, đặc biệt là nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật.

MSD hoạt động với khẩu hiệu **MSD** nỗ lực tạo ra các giá trị và đạt được những tác động địa phương tích cực. Chúng tôi làm việc trong các lĩnh vực độc đáo và khác biệt, nỗ lực đạt được hiệu quả, hiệu suất thông qua thúc đẩy văn hoá học hỏi, truyền cảm hứng và can thiệp sáng tạo

Các mục tiêu hoạt động của MSD bao gồm:

- ✧ Nâng cao năng lực - Xây dựng năng lực cho các tổ chức xã hội theo hướng hiệu quả phát triển
- ✧ Xây dựng quan hệ đối tác - Phát triển quan hệ đối tác toàn diện và hiệu quả giữa các tổ chức xã hội và với các đối tác phát triển khác
- ✧ Thúc đẩy trao quyền - Thúc đẩy môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội để thực hành vai trò của họ cũng như tăng cường khả năng tự phát triển
- ✧ Can thiệp - Thúc đẩy việc thực hiện quyền của các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, đặc biệt là nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật.

MSD được công nhận là tổ chức tiên phong về điều phối, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ nâng cao năng lực cho các CSO tại Việt Nam về thúc đẩy Hiệu quả phát triển, Minh bạch và Trách nhiệm giải trình, Vận động Chính sách và Huy động nguồn lực. **MSD** cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu và bảo vệ quyền cho các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương tại Việt Nam thông qua đào tạo quyền con người và thực hiện các dự án thúc đẩy thực hiện quyền cho các nhóm trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật. Hiện tại, MSD đang là tổ chức thư ký - điều phối, Ban điều hành của Liên minh hành động vì sự phát triển các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam) và là sáng lập, điều phối Các sáng kiến của CSO về thúc đẩy Minh bạch và Trách nhiệm giải trình (CSO - TAI) đồng thời là thành viên của Hội giáo dục vì mọi người Việt Nam và Mạng Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (CRnet). Ở cấp độ quốc tế, **MSD** là điều phối khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn Đối tác CSOs vì Hiệu quả phát triển và là thành viên Ban điều hành mạng lưới di cư Mekong.

Thông tin chi tiết về tổ chức xin vui lòng xem thêm tại: www.msdivietnam.org

Biên soạn:

Ths. Nguyễn Phương Linh & các đồng nghiệp

BỘ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM

Một sản phẩm của



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MSD)

Thông qua hỗ trợ tài chính của



Save the Children

Nhà xuất bản Lao Động

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế - xã hội đầy ấn tượng vào giữa những năm cuối thập niên 1990 và 2000, với nhiều thành tựu cụ thể trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và hiện đang bước vào giai đoạn tăng tốc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Tuy nhiên, cùng với đó là những thách thức lớn trong quá trình phát triển, điều này đã hạn chế việc thực hiện đầy đủ các Quyền của trẻ em cũng như sự phối, kết hợp giữa các thành phần trong xã hội nhằm đảm bảo việc thực thi các Quyền của trẻ em. **Ủy ban Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em (QTE)** trong các kết luận quan sát từ năm 2012 thể hiện sự lo ngại *“về việc thiếu sự phối, kết hợp hiệu quả giữa các tổ chức xã hội (TCXH) và các cơ quan chính phủ trong việc thực thi đầy đủ các quyền của trẻ em”*.

Các TCXH đóng vai trò đối tác quan trọng với nhà nước và các bên liên quan trong việc thúc đẩy quyền và bảo vệ trẻ em (BVTE) ở Việt Nam thông qua các hoạt động hỗ trợ ở cấp cơ sở và vận động chính sách. Với kiến thức địa phương và liên kết cộng đồng vững chắc, các TCXH thể hiện cái nhìn sâu sắc và có khả năng tạo ra các tác động bền vững.

Do vậy, việc đảm bảo thực thi đầy đủ QTE, bảo vệ quyền và bảo QTE đòi hỏi nhiều TCXH tại Việt Nam có kiến thức đầy đủ trong lĩnh vực quản trị về QTE và BVTE. Dự án **“Tăng cường năng lực các TCXH về quản trị QTE”** nhằm bổ khuyết năng lực cho các TCXH tại Việt Nam, từ đó tăng cường năng lực và sự tham gia của các tổ chức này về Quản trị QTE tại Việt Nam. Chủ trì dự án là tổ chức Cứu trợ Trẻ em Quốc tế (SCI) cùng sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ Việt Nam tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Dựa trên năng lực và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực trẻ em của mình, Trung tâm Nghiên cứu Quản lý và Phát triển Bền vững (MSD) là một trong những đối tác chính thực hiện dự án.

Một trong những nỗ lực thuộc dự án mà MSD phụ trách là xây dựng một bộ công cụ quản trị QTE nhằm góp phần vào việc nâng cao năng lực cho các TCXH tại Việt Nam. Bộ công cụ Quản trị QTE được xây dựng nhằm mục đích cung cấp những kiến thức cơ bản góp phần tăng thêm sự hiểu biết về Quản trị QTE. Đối tượng chính mà bộ công cụ hướng tới là các thành viên hoặc nhân viên của các TCXH, đặc biệt các tổ chức đang làm việc về/ với trẻ em.

Bộ công cụ được chia ra thành 4 quyển sổ tay với những chủ đề khác nhau, bao gồm:

Quyển 1: Sổ tay Quản trị Quyền trẻ em hiệu quả

Quyển này nhằm giới thiệu một cách cơ bản nhất về khái niệm, vai trò của quản trị quyền trẻ em và các cấu phần của quản trị quyền, lồng ghép quản trị quyền trẻ em trong chiến lược và kế hoạch hoạt động của tổ chức.

Quyển 2: Sổ tay Khung pháp lý về thực thi Quyền trẻ em ở Việt Nam

Quyển này cung cấp những thông tin cơ bản nhất về khung pháp luật quốc tế và Việt Nam trong việc thực thi quyền trẻ em. Ngoài ra, quyển này cũng giới thiệu phương pháp tiếp cận dựa trên quyền và vai trò của các tổ chức xã hội được quy định trong các văn bản pháp luật.

Quyển 3: Sổ tay Giám sát và báo cáo về thực thi Quyền trẻ em

Quyển này cung cấp các thông tin liên quan đến cơ chế hoạt động và các cơ quan của Liên hiệp quốc làm việc về quyền con người bao gồm quyền trẻ em; quy trình báo cáo việc thực thi quyền trẻ em của quốc gia và các tổ chức xã hội với những hướng dẫn cơ bản, thực tế và hữu ích về viết báo cáo.

Quyển 4: Sổ tay Vận động chính sách về Quản trị quyền trẻ em

Quyển này cung cấp những nội dung cơ bản nhất về kiến thức và kỹ năng vận động chính sách, chiến lược vận động chính sách và phương pháp, công cụ được sử dụng trong vận động chính sách về quản trị quyền trẻ em.

Nội dung của những quyển sổ tay trong bộ tài liệu đan xen, liên quan mật thiết với nhau, độc lập tương đối trong thể thống nhất. Nội dung ở các quyển bổ sung và hỗ trợ với nhau, do đó, Ban biên soạn khuyến nghị nên sử dụng cả 4 quyển không nên tách rời.

Sổ tay **“Vận động chính sách về Quản trị Quyền trẻ em”** là Quyển 4 trong bộ 4 quyển sổ tay về Quản trị quyền trẻ em nhằm giới thiệu kiến thức và hướng dẫn phương pháp tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách cho các tổ chức xã hội Việt Nam về Quản trị quyền trẻ em. Chúng tôi hy vọng rằng độc giả sẽ tiếp nhận, sử dụng hiệu quả

Quyển 4 này cùng với cả bộ sổ tay trong việc thúc đẩy Quản trị quyền trẻ em hiệu quả tại Việt Nam.

Để hoàn thành bộ sổ tay này, Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) xin trân trọng cảm ơn Ban biên soạn gồm có:

- Ths. Lê Quang Nguyên - Chuyên gia tư vấn - viết chính Quyển 1 - được hiệu đính lần 2 bởi Ths. Hoàng Thu Trang
- Ths. Đặng Trần Tuấn Anh và Ths. Nguyễn Hải Anh - Chuyên gia tư vấn - viết chính Quyển 2
- Ths. Hoàng Thu Trang - Quản lý chương trình MSD - viết chính Quyển 3
- Ths. Nguyễn Phương Linh - Viện trưởng MSD - viết chính Quyển 4
- Ths. Nguyễn Thị Bích Diệp - Chuyên gia tư vấn - hiệu đính toàn bộ bộ sổ tay

Bộ Sổ tay đã được xuất bản năm 2016 và được tái bản có hiệu đính năm 2018.

Ban biên soạn chân thành cảm ơn các cán bộ Tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế đã hỗ trợ kỹ thuật cho bộ sổ tay, các chuyên gia cùng đồng nghiệp đã tham gia, cung cấp thông tin, đầu vào và tư vấn kỹ thuật cho bộ sách. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các Quý vị độc giả.

Trân trọng cảm ơn!
Thay mặt Ban biên soạn



Ths. Nguyễn Phương Linh
Giám đốc MSD

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BVTE	Bảo vệ trẻ em
CSOs/ TCXH	Tổ chức xã hội Thuật ngữ “Tổ chức xã hội” trong bộ tài liệu “Quyền trẻ em” được hiểu là khối các tổ chức xã hội (TCXH) được nhìn nhận là các tổ chức do dân tự nguyện lập ra, không nằm trong hệ thống bộ máy nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoạt động vì mục đích phát triển và không vì lợi nhuận (MSD 2015). Đây là một lực lượng đóng góp cho sự phát triển, là một đối tác trong việc giải quyết các vấn đề về đói nghèo và các vấn đề bất bình đẳng trong xã hội. “Khối các TCXH góp phần đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy đời sống của người dân tốt hơn, góp phần tạo ra sự thay đổi trong xã hội mà không nhằm đạt được quyền lực về mặt chính trị” (Willis 2011; Van Rooy 2002; Veltmeyer 2012).
CRC	Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em
CRG	Quản trị quyền trẻ em (Child Rights Governance)
GMI	Những biện pháp thực hiện tổng thể (General Measures Implementation)
MSD	Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ. Trong tài liệu này, tổ chức phi chính phủ và TCXH đôi lúc có thể được sử dụng thay thế lẫn nhau.

OHCHR	Ủy ban tại Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc
OP	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em
OPSC	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em
OPAC	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang
QTE	Quyền trẻ em
UN	Liên hợp quốc (United Nations)
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
UPR	Kiểm điểm định kỳ phổ quát

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	7
GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ TAY	11
1. TỔNG QUAN VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM	14
1.1. CÁC KHÁI NIỆM	14
1.2. VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CHO QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM - CÁCH TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN	16
1.3. VAI TRÒ CỦA CÁC TCXH TRONG VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM	19
1.3.1. Đảm bảo Hệ thống pháp lý và báo cáo có chất lượng... ..	19
1.3.2. Đảm bảo tính minh bạch giải trình trong CRG	19
1.3.3. Tham gia cải thiện hệ thống giám sát việc thực hiện QTE.....	19
1.3.4. Làm việc với trẻ em.....	20
1.3.5. Phối hợp cùng các TCXH khác	20
1.4. NGUYÊN TẮC CHO SỰ THAM GIA CỦA CÁC TCXH TRONG QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM	21
1.4.1. Sự tham gia.....	21
1.4.2. Nguyên tắc 2: Sự tin tưởng.....	24
1.4.3. Nguyên tắc 3: Minh bạch và Trách nhiệm giải trình giữa các bên (MBGT)	24
1.4.4. Nguyên tắc 4: Độc lập.....	24
2. TIẾN TRÌNH VĐCS VÀ SỰ THAM GIA CỦA TCXH TRONG VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ	25
2.1. QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM VÀ KHẢ NĂNG TCXH TÁC ĐỘNG TỚI BÊN THỰC HIỆN QUYỀN - CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN	25
2.2. TIẾN TRÌNH BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC VỀ QTE	34

3. CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM..... 36

3.1. CÂU HỎI 1:

VẤN ĐỀ LÀ GÌ? CHÚNG TA MUỐN THAY ĐỔI GÌ? 38

3.1.1. Công cụ 1: Xác định vấn đề VĐCS về CRG 38

3.1.2. Công cụ 2: Xác định bằng chứng của lỗi chính sách 38

3.1.3. Công cụ 3: Lựa chọn ưu tiên/trọng tâm VĐCS 40

3.2. CÂU HỎI 2: AI LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ THỂ TẠO NÊN/

RA QUYẾT ĐỊNH CHO SỰ THAY ĐỔI?..... 42

3.2.1. Công cụ 4: Phân tích các bên liên quan; sự quan tâm, mức độ ảnh hưởng và mức độ quan trọng..... 42

3.2.2. Công cụ 5: Phân tích quyền lực 43

3.2.3. Công cụ 6: Phân tích ma trận đồng minh và tác động .. 45

3.2.4. Công cụ 7: Xác định các đối tượng mục tiêu 47

3.3. CÂU HỎI 3: ĐỐI TƯỢNG ĐÍCH CẦN NGHE GÌ?

VÀ BẰNG CÁCH NÀO? 49

3.3.1. Công cụ 8: Xây dựng thông điệp VĐCS..... 49

3.3.2. Công cụ 9: Xác định các kênh VĐCS 52

3.4. CÂU HỎI 4: CHÚNG TA CÓ GÌ?

CHÚNG TA CẦN GÌ? CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM GÌ? 55

3.4.1. Công cụ 10: Phân tích năng lực tổ chức..... 55

3.4.2. Công cụ 11: Phân tích SWOT/BEEM 57

3.4.3. Công cụ 12: Lựa chọn vai trò và trách nhiệm của tổ chức..... 58

3.5. CÂU HỎI 5: CHÚNG TA BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU? 61

3.5.1. Công cụ 13: Mục đích và mục tiêu SMART 61

3.5.2. Công cụ 14: Kế hoạch thực hiện và phân bổ nguồn lực 61

3.6. CÂU HỎI 6: LÀM THẾ NÀO CHÚNG TA BIẾT RẰNG

CHÚNG TA ĐANG LÀM TỐT? 63

4. LỒNG GHÉP VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ

QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM VÀO HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC 65

TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 70

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ TAY

Sổ tay Vận động chính sách cho các TCXH Việt Nam về CRG - Giới thiệu kiến thức và hướng dẫn phương pháp tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách cho các TCXH Việt Nam về CRG. Đây là cuốn 4 nằm trong Bộ sổ tay CRG được Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) phát triển theo kế hoạch chiến lược nhằm góp phần nâng cao năng lực cho các TCXH Việt Nam trong việc thúc đẩy quản trị tốt QTE tại Việt Nam.

Cuốn sổ tay này được biên soạn với mục đích:

- ✧ Nâng cao nhận thức và kiến thức VĐCS cho các TCXH Việt Nam về CRG;
- ✧ Tăng cường khả năng thực hành VĐCS cho các TCXH Việt Nam thông qua việc cung cấp các công cụ và kỹ năng áp dụng trong VĐCS;

Sổ tay được biên soạn như thế nào?

Cẩm nang được biên soạn dựa trên kết quả các nghiên cứu và đúc kết kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và thực tiễn của Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế trong nỗ lực nâng cao năng lực cho các TCXH Việt Nam và thúc đẩy CRG theo chiến lược phát triển của tổ chức. Sổ tay cũng kế thừa một số các nghiên cứu và ấn phẩm liên quan đến VĐCS và Thúc đẩy QTE trong nước và trên thế giới, theo cách tiếp cận có thể áp dụng vào bối cảnh của Việt Nam và các TCXH Việt Nam. Ngoài ra, sổ tay cũng được đưa ra lấy ý kiến tham vấn rộng rãi từ các TCXH, các chuyên gia về VĐCS tại Việt Nam và các bên liên quan khác (cán bộ chính phủ, nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, v.v...) để đảm bảo tính thực tế và tính ứng dụng của sổ tay trước khi xuất bản. Sổ tay tái bản lần 2 đã được hiệu đính, điều chỉnh và cập nhật.

Ai nên sử dụng cẩm nang?

Sổ tay được biên soạn chủ yếu dành cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (VNGOs) và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) - gọi chung là các TCXH (TCXH) tại Việt Nam để tham gia VĐCS có hiệu

quả nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của trẻ em theo QTE. TCXH làm việc trực tiếp trong lĩnh vực trẻ em hoặc không làm việc trực tiếp nhưng có cam kết với việc BVTE đều có thể sử dụng cuốn sổ tay này.

Sổ tay này cũng có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo cho các nhà lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và cho những cá nhân/tổ chức quan tâm đến hoạt động VĐCS về QTE tại Việt Nam.

Sổ tay gồm những nội dung gì?

Cấu trúc của cẩm nang gồm 4 phần:

1) Tổng quan về VĐCS về CRG tại Việt Nam

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản về chính sách và vận động chính sách về CRG, các nguyên tắc về VĐCS, VĐCS dựa trên quyền, vai trò của các TCXH trong VĐCS về CRG, thúc đẩy sự tham gia của trẻ em trong tiến trình VĐCS.

2) Tiến trình VĐCS và sự tham gia của TCXH trong vận động chính sách về CRG trong nước và quốc tế.

3) Chiến lược VĐCS

Giới thiệu một cách cơ bản các câu hỏi/ bước tiến hành xây dựng chiến lược VĐCS, các phương pháp, các công cụ, kỹ năng vận dụng trong VĐCS về QTE.

4) Lồng ghép VĐCS về CRG trong chiến lược tổ chức

Hướng dẫn cách thức các TCXH lồng ghép VĐCS về CRG trong hoạt động tổ chức.

Sổ tay nên được sử dụng như thế nào?

Sổ tay nên được sử dụng một cách linh hoạt. Ngoài chương I cung cấp các kiến thức cơ bản cho các TCXH trong công tác VĐCS về CRG tại Việt Nam, chương II và III tập trung vào tiến trình, phương pháp, các công cụ và kỹ năng để thực hành VĐCS cho các tổ chức. Các tổ chức nên linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp, công cụ phù hợp để thực hiện, tránh máy móc và đầu tư quá nhiều thời gian và công sức

trong một giai đoạn mà không đủ nguồn lực để thực hiện các bước tiếp theo.

Cẩm nang có thể được các TCXH sử dụng để:

- ✧ Tự nâng cao năng lực cho tổ chức và áp dụng trong công tác VĐCS về CRG và cả các công tác VĐCS nói chung khác;
- ✧ Nâng cao năng lực cho các TCXH khác hoặc các đối tác quan tâm đến VĐCS cho CRG;
- ✧ Tiếp tục quá trình học tập và nghiên cứu của tổ chức về VĐCS;
- ✧ Các mục đích khác liên quan.



Lưu ý:

Đây là ấn phẩm có sự đầu tư chuyên môn, công sức của Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), do đó, khi các cá nhân/tổ chức sử dụng trích dẫn các kiến thức trong tài liệu, đề nghị trích dẫn rõ nguồn tham khảo là từ “Sổ tay Vận động chính sách về Quản trị Quyền trẻ em” do Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) tái bản năm 2018.

1. TỔNG QUAN VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM

1.1. CÁC KHÁI NIỆM

VĐCS là hoạt động khá phổ biến ở các nước trên thế giới, tuy nhiên ở Việt Nam, hoạt động này vẫn còn ở giai đoạn mới hình thành và phát triển. Để hiểu rõ hơn hoạt động “VĐCS”, cảm nang tập hợp một số khái niệm như sau:

- Vận động là gì?

Vận động là hành động để nói hay viết ủng hộ một vấn đề gì. Một “người vận động” là người viết hoặc nói về vấn đề gì đó¹. (Từ điển Webster)

“Vận động là tuyên truyền, giải thích, thuyết phục người khác tự nguyện làm một việc gì đó” (Từ điển Tiếng Việt)

- Chính sách là gì?

Chính sách được hiểu là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và các công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động lên các chủ thể KT-XH nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định, hoặc giải quyết những vấn đề nhất định.

- Vận động chính sách là gì?

VĐCS có nhiều định nghĩa khác nhau. Một số định nghĩa có thể tham khảo bao gồm:

“VĐCS là quá trình đàm phán và thương thuyết đối thoại với nhóm những người có ảnh hưởng, những người chủ trương và những người ra quyết định cuối cùng để họ tiếp nhận và làm theo các ý tưởng, các đề xuất cần thiết mà bạn đưa ra”

(Trung tâm Quốc tế về VĐCS - International Center for Policy Advocacy: <http://advocacyguide.icpolicyadvocacy.org/>)

“VĐCS là tiến trình sử dụng thông tin và phương pháp một cách chiến lược để thay đổi/ cải thiện các chính sách ảnh hưởng tới các nhóm cộng

¹ Quý Châu Á, “Huy động công chúng tham gia xây dựng chính sách và pháp luật”, 2010, Quý Châu Á

đồng, đặc biệt là cộng đồng thiệt thòi” (BOND; <https://www.bond.org.uk>)

“VĐCS là quá trình thay đổi các thực hành và các chính sách ảnh hưởng đến những người thiệt thòi” (CAFOD)

Cụ thể hơn về VĐCS cho trẻ em, một số tổ chức quốc tế làm về trẻ em đưa ra các khái niệm:

“VĐCS là quá trình vận động dân chủ dựa trên bằng chứng tác động tới những người ra quyết định và các bên liên quan để ủng hộ và hành động đóng góp cho việc thực hiện quyền của phụ nữ và trẻ em” (UNICEF, 2010);

“Với tổ chức Cứu trợ trẻ em, VĐCS là hoạt động ảnh hưởng tới chính sách và các hành động của chính phủ, các tổ chức quốc tế, và khối tư nhân để đạt được những thay đổi tích cực trong cuộc sống của trẻ em” (Cứu trợ trẻ em);

- CRG là gì?

CRG là *quản trị* hướng đến việc bảo vệ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của tất cả trẻ em thông qua việc xây dựng thể chế, hệ thống chính sách và pháp luật; Thực thi chính sách và pháp luật tương thích với công ước CRC.

CRG nhằm thúc đẩy việc thực thi và giám sát QTE trong các hoạt động chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa.

CRG vừa là thách thức vừa là sự hỗ trợ với chính phủ trong việc thực thi tất cả các điều khoản được qui định trong Công ước Quốc tế về QTE (CRC) cho tất cả trẻ em trong mọi hoàn cảnh.²

Như vậy, việc VĐCS cho việc quản trị tốt QTE bao gồm những nỗ lực có tính hệ thống nhằm tác động đến những người ra quyết định để tạo ra những sự thay đổi về chính sách và thực thi chính sách để đảm bảo việc thực thi QTE.

² Programming in Child Rights Governance, thematic planning guide, Save the Children Denmark, 2011, trang 3

1.2. VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CHO CRG - CÁCH TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (HBRA) là phương pháp tiếp cận đặt con người làm trung tâm của sự phát triển, lấy sự bảo vệ và phát huy quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân làm động lực cho phát triển. Trên cơ sở đó, nhà nước có trách nhiệm đảm bảo và phát huy quyền con người, tạo điều kiện cho người dân thực thi quyền của mình thông qua việc xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật công bằng và thực thi hiệu quả.

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền quy định hai chủ thể: chủ thể của quyền (rights holders) và bên thực hiện quyền (duty bears); trong đó chủ thể của quyền có quyền đòi hỏi quyền và bên thực hiện quyền đảm bảo các quyền của chủ thể được thực hiện.

Để tiến đến quản trị tốt QTE, cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền.

Trẻ em không được bỏ phiếu bầu cử và vì thế trẻ em hoàn toàn bị lệ thuộc vào một nền quản trị tốt để mong nhận được những cam kết về việc thực hiện các quyền cho trẻ em. Bao gồm³:

- ✧ **Thế chế:** bao gồm cấu trúc xã hội, hệ thống quyền và nghĩa vụ, hệ thống chính sách và pháp luật nhằm tôn trọng, thúc đẩy, bảo vệ thực thi QTE.

Công ước về QTE: Những nguyên tắc mang tính chuẩn mực được nêu trong CRC đòi hỏi các Chính phủ thành viên và các thành phần khác trong xã hội xây dựng một môi trường thuận lợi và cần thiết cho việc tôn trọng và bảo vệ QTE theo hướng bền vững.

Những biện pháp thực hiện tổng thể trong CRC, khung pháp lý quốc gia về QTE cũng như việc xây dựng các chính sách và ngân sách là nhằm cụ thể hóa những nỗ lực thực hiện của một nền CRG tốt. Nền quản trị này cần bao gồm cả sự minh bạch, tính giải trình và sự quan tâm tới tất cả các nhóm khác biệt trong xã hội.

³ Trích cuốn 1 về Quản trị quyền trẻ em em hiệu quả, Ths. Hoàng Thu Trang, MSD phát hành 2019

- ✧ **Sử dụng quyền lực và quyền hạn trong quá trình ra quyết định liên quan đến trẻ em:** Tổ chức, cơ quan của chính phủ đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các quyết định liên quan đến trẻ em thể hiện sự tôn trọng QTE.

Ưu tiên trẻ em: trong mọi hoạt động lập kế hoạch và chi tiêu ngân sách của Chính phủ. Nhà nước có khung pháp lý, thể chế hành chính và ngân sách rõ ràng cho việc thực hiện QTE mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Chính phủ lắng nghe ý kiến của trẻ em khi đưa ra bất kỳ một quyết định nào có ảnh hưởng đến các em;

- ✧ **Sự tham gia của các thành phần trong xã hội:** bao gồm trẻ em, khối xã hội, khối tư nhân nhằm đảm bảo tôn trọng QTE.

Tăng cường năng lực cho trẻ em: để các em tiếp cận quyền có thông tin, thể hiện quan điểm và ý kiến, kết giao, hội họp và đòi hỏi những thay đổi cần thiết cho chính các em;

Trẻ em tham gia vào vào quản trị

Trẻ em tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định, và những quyết định về việc cung cấp dịch vụ, tiếp cận nguồn ngân sách được phân quyền hoặc sự phân bổ ngân sách, phát triển cộng đồng, tác động ý kiến các chính trị gia, thực hiện và giám sát chính sách công. Ngay cả trong những trường hợp khẩn cấp, trẻ em cần được tiếp tục tham gia vào các mức độ và tiến trình ra quyết định. Trẻ em giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát hoàn cảnh của các em, và giám sát tính hiệu quả của các dịch vụ và việc sử dụng ngân sách.

Xã hội dân sự vững chắc và năng động: có thể đảm nhiệm vai trò quản trị khi Chính phủ không thể đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các quyền và nhu cầu của trẻ em về sống còn, được bảo vệ và học tập; Xã hội dân sự thực thi vai trò giám sát thực thi QTE của Nhà nước, giám sát khối tư nhân tôn trọng QTE;

Kinh tế tư nhân: sự vận hành và các hoạt động của kinh tế tư nhân được điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu của trẻ em, tôn trọng và hỗ trợ QTE.

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền được áp dụng cho việc vận động chính sách cho quản trị tốt QTE nhằm các **mục tiêu** sau:

- ✧ Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em (chủ thể của quyền) và hỗ trợ trẻ em đòi hỏi quyền tới các cơ quan công quyền (bên thực hiện quyền);
- ✧ Tăng tính giải trình của bên thực hiện quyền;
- ✧ Tạo ra những thay đổi về chính sách pháp luật và việc thực thi chính sách pháp luật đảm bảo việc thực hiện quyền của trẻ em;

Một số nguyên tắc cho việc VĐCS cho trẻ em theo Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền bao gồm:

1. Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em vào quá trình đòi hỏi quyền và ra các quyết định chính sách. Việc này bao gồm quá trình nâng cao năng lực cho trẻ em để hiểu về quyền, đòi hỏi quyền và tham gia vào việc nhận biết quyền. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền lấy trẻ em làm trung tâm cho quá trình VĐCS để đảm bảo giải quyết gốc rễ các vấn đề bất bình đẳng và phân biệt đối xử;
2. Đảm bảo trách nhiệm giải trình của các bên có trách nhiệm và quyền hạn đối với trẻ em;
3. Tập trung vào các quyền áp dụng với toàn bộ trẻ em không có sự phân biệt hay sự loại trừ;
4. Làm rõ các trách nhiệm pháp lý của Chính phủ và trách nhiệm đạo đức của cộng đồng theo Công ước quốc tế về QTE (CRC). Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền cần đảm bảo luật pháp và chính sách quốc gia có sự phù hợp thống nhất với các công cụ đảm bảo quyền con người quốc tế. Việc VĐCS là để tạo ra những thay đổi để các nhóm có quyền lực và ra quyết định thực hiện các hành động thực tế, cần thiết để đảm bảo các chính sách và pháp luật được xây dựng phù hợp và được thực thi thực tế hiệu quả.

1.3. VAI TRÒ CỦA CÁC TCXH TRONG VĐCS VỀ CRG

Trong các vai trò TCXH có thể thực hiện về CRG, việc VĐCS về CRG đòi hỏi TCXH có các vai trò sau:

1.3.1. *Đảm bảo Hệ thống pháp lý và báo cáo có chất lượng:*

- ✧ Hỗ trợ trẻ em và các TCXH xây dựng các báo cáo có chất lượng theo quy chuẩn của hệ thống báo cáo quốc tế (báo cáo định kỳ UNCRC, UPR, OP3, ILO/IPEC, CEDAW, etc), và giám sát với các sáng kiến thúc đẩy việc chấm dứt các hình thức vi phạm QTE.
- ✧ Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng báo cáo bổ sung về việc thực hiện QTE tại Việt Nam, xây dựng hệ thống thu thập thông tin cho báo cáo, tham khảo ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng báo cáo.
- ✧ Vận động việc điều chỉnh luật trong nước tương ứng với quốc tế, thúc đẩy Chính phủ thực hiện các khuyến nghị và đầu tư cho trẻ em hiệu quả. Xóa bỏ những rào cản, hoặc những qui định có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện QTE.

1.3.2. *Đảm bảo tính minh bạch giải trình trong CRG:*

- ✧ Vận động gây ảnh hưởng Chính phủ để cho ra các quyết định liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững trong đó ưu tiên các mục tiêu cho trẻ em, bao gồm các yếu tố tham gia và có phản hồi của các thành phần khác nhau trong xã hội: cộng đồng người dân, trẻ em, các thành phần ngoài Nhà nước và các TCXH.
- ✧ Vận động Chính phủ minh bạch trong việc xây dựng ngân sách cho trẻ em, giải thích được kế hoạch chi tiêu thực thi kế hoạch và có khung giám sát bao gồm có sự tham gia của người dân.

1.3.3. *Tham gia cải thiện hệ thống giám sát việc thực hiện QTE:*

- ✧ Xây dựng và mở rộng việc cộng tác với các TCXH, các mạng lưới và các liên minh hoạt động vì QTE để vận động Chính phủ cải thiện hệ thống ở các cấp về việc thực thi QTE (các chính sách, luật trẻ em, công tác quản trị, nhân sự, chương trình hành động vì trẻ em ở các cấp trong ngắn hạn và dài hạn).

- ✧ Có kế hoạch để đảm bảo trẻ em và cộng đồng có thể lên tiếng và yêu cầu Chính phủ thực thi tính trách nhiệm giải trình ưu tiên cho việc thực thi quyền của trẻ em.
- ✧ Giám sát, phản hồi và vận động Chính phủ thực thi các mục tiêu thiên niên kỷ. Áp dụng các tiêu chuẩn và các chỉ số giám sát của quốc tế để đảm bảo chất lượng phục vụ đạt được.

1.3.4. Làm việc với trẻ em:

- ✧ Có chiến lược vận động cho trẻ em, bao gồm các nhóm trẻ dễ bị tổn thương nhất, ưu tiên nguồn lực cho việc thực thi quyền cho những nhóm trẻ này.
- ✧ Vận động cho sự tham gia có ý nghĩa của trẻ em, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, các quyền tự do cơ bản của trẻ, giúp quyền của trẻ về dân sự và tự do được tôn trọng ở mọi cấp độ.
- ✧ Cung cấp, hỗ trợ, nâng cao năng lực cho trẻ em trong việc tự bảo vệ và tham gia đóng góp ý kiến một cách có ý nghĩa, mang lại lợi ích thiết thực cho sự phát triển của trẻ.

1.3.5. Phối hợp cùng các TCXH khác:

Cùng với các TCXH khác, các mạng lưới, liên minh về QTE xây dựng một dữ liệu nguồn tin cậy nhằm hỗ trợ việc xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động QTE và là công cụ giám sát tính hiệu quả của các chương trình cho trẻ em tại Việt Nam.

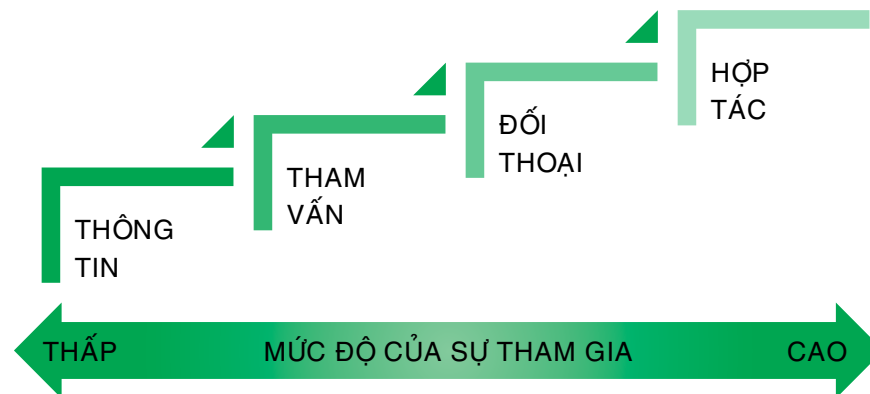
1.4. NGUYÊN TẮC CHO SỰ THAM GIA CỦA CÁC TCXH TRONG CRG

Để nuôi dưỡng mối quan hệ mang tính xây dựng, TCXH và các cơ quan có thực hiện quyền (duty bearer) ở các cấp nên hành động trên các nguyên tắc sau đây:

1.4.1. Sự tham gia

TCXH thu thập và phản ánh trung thực thực trạng việc thực hiện quyền của trẻ em tại cộng đồng và các lỗi chính sách. Thông tin đầu vào này mang lại giá trị quan trọng đối với quá trình ra quyết định chính sách, nâng cao chất lượng, sự hiểu biết và áp dụng lâu dài của các sáng kiến chính sách. Đây là điều kiện cơ bản để đảm bảo chất lượng của đầu vào chính là sự tham gia cởi mở và dễ tiếp cận của TCXH, trẻ em và cộng đồng trong quá trình ra quyết định.

Sự tham gia của TCXH trong các bước khác nhau của quá trình ra quyết định chính sách thay đổi theo cường độ của sự tham gia. Có 4 cấp bậc tăng dần của sự tham gia, từ tham gia ít nhất đến tích cực nhất bao gồm: thông tin, tham vấn, đối thoại và hợp tác.



Thông tin

Tiếp cận thông tin là cơ sở cho tất cả các bước tiếp theo trong sự tham gia của TCXH trong quá trình ra quyết định chính sách. Đây là mức độ tương đối thấp về sự tham gia, thường bao gồm một chiều thông tin từ cơ quan có thẩm quyền và không có yêu cầu hay mong đợi gì về tương tác hoặc tham gia với các tổ chức.

Thông tin có mặt trong tất cả các bước trong quá trình ra quyết định.

Tham vấn⁴

Đây là việc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu TCXH đưa ra ý kiến của mình về một chủ đề hoặc một chính sách cụ thể. Tham vấn thường xuất phát từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo cho TCXH về việc phát triển các chính sách hiện hành và yêu cầu cho ý kiến, quan điểm, tư vấn, hay phản biện. Các sáng kiến chính sách cụ thể có thể bắt nguồn từ chính các TCXH hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quyền. Tham vấn có mặt trong tất cả các bước của quá trình ra quyết định, từ phát sinh ý tưởng, soạn thảo và ban hành chính sách, thực thi chính sách đến giám sát đánh giá tác động và bổ sung sửa đổi chính sách.

Đối thoại

Sáng kiến chính sách ở cấp độ này có thể xuất phát từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc từ phía TCXH. Đối thoại có thể là đối thoại mở rộng hoặc đối thoại hợp tác.

Một cuộc đối thoại mở rộng là phương thức giao tiếp hai chiều được xây dựng trên lợi ích chung và các mục tiêu tiềm năng, đảm bảo sự trao đổi quan điểm thường xuyên giữa TCXH và các cơ quan có thẩm quyền, có thể là cuộc đối thoại mở rộng công khai hoặc các cuộc họp chuyên sâu, có thể liên quan hoặc không liên quan tới quá trình xây dựng một chính sách hiện hành.

Đối thoại hợp tác được xây dựng trên lợi ích chung cho sự phát triển một chính sách cụ thể. Đối thoại hợp tác thường dẫn đến một đề nghị, chiến lược hay cam kết chung. Đối thoại hợp tác có sự trao quyền nhiều hơn so với các cuộc đối thoại mở rộng vì nó bao gồm các cuộc họp chung và thường xuyên để phát triển các chiến lược chính sách cốt lõi và thường dẫn đến kết quả thống nhất.

⁴ Tham vấn công chúng là hành động có chủ đích của chính quyền nhằm thông báo, hỏi và lắng nghe, thảo luận với những người dân chịu ảnh hưởng bởi một quyết định, một giải pháp nào đó hoặc những người có liên quan có quan tâm đến chính sách, giải pháp sắp được ban hành hoặc đã được ban hành. Qua đó người dân được tổ chức các cơ hội để họ bày tỏ các quan điểm về ý kiến của mình theo những kênh thu nhận đã công bố, và có cơ chế để những quan điểm, ý kiến này được người ra quyết định xem xét và cân nhắc trước khi quyết định đó được thông qua (VPQH - UNDP hướng dẫn tham vấn công chúng HEND (2012))

Đối thoại được đánh giá cao ở tất cả các bước trong chu trình ra quyết định chính sách, là một yếu tố cân nhắc quan trọng đối với các cơ quan có thẩm quyền khi thiết lập việc hoạch định và ban hành chính sách hoặc bổ sung sửa đổi chính sách.

Hợp tác

Quan hệ đối tác chỉ sự chia sẻ trách nhiệm trong mỗi bước của quá trình ra quyết định chính sách trong tất cả các bước từ phát sinh ý tưởng, soạn thảo và ban hành, ra quyết định đến thực hiện các sáng kiến chính sách và bổ sung, sửa đổi chính sách. Đây là hình thức cao nhất của sự tham gia.

Ở cấp độ này, TCXH và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hợp tác chặt chẽ với nhau trong khi vẫn đảm bảo rằng TCXH tiếp tục được hoạt động độc lập.

Sự tham gia của trẻ em: Sự tham gia ở đây còn nhắc đến sự tham gia ý nghĩa của trẻ em. Việc đảm bảo sự tham gia của trẻ em chính là nguyên tắc chính yếu của phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, lấy trẻ em làm trung tâm. Đây là tiến trình nâng cao năng lực, trao quyền cho trẻ em như những người nắm quyền có thể đòi hỏi quyền. Để thực hiện được điều này, các TCXH cần hỗ trợ trẻ em và tạo ra môi trường thuận lợi thích hợp để trẻ em có thể lên tiếng và thể hiện những khúc mắc, ý tưởng và cả các kiến nghị liên quan đến quyền của các em, giúp truyền tải các ý kiến kiến nghị này của trẻ em tới bên ra quyết định chính sách, những người thực hiện quyền. Sự tham gia này cần là sự tham gia đầy đủ, công bằng và bình đẳng theo Công ước quốc tế về QTE (CRC - điều 12).

Sự tham gia của trẻ em sẽ đảm bảo:

- ✧ Đưa được các ý tưởng sáng kiến của trẻ em từ thực tế vào thảo luận, cho phép người lớn nhìn nhận các vấn đề và giải quyết các vấn đề dựa trên cách nhìn nhận và cách tiếp cận của trẻ em, đôi khi là những giải pháp, cách thức mà người lớn không nhận ra hoặc không nghĩ tới;
- ✧ Trẻ em sẽ là người tiếp quản và hưởng lợi từ các thay đổi tích cực của chính sách;

- ✧ Vai trò của trẻ em được hiện hữu, được ghi nhận và chấp nhận như các công dân chủ động, độc lập phát triển dựa trên quyền của mình;
- ✧ Trẻ em sẽ có thêm cơ hội học tập và rèn luyện kỹ năng, sự tự tin;
- ✧ Trẻ em sẽ có thêm được sự thấu hiểu và cam kết từ người lớn.

1.4.2. Nguyên tắc 2: Sự tin tưởng

Mối quan hệ của TCXH và các cơ quan có thẩm quyền cần được xác lập trên cơ sở của sự tin tưởng. Dù TCXH và các cơ quan có thẩm quyền hoạt động với vai trò và trách nhiệm khác nhau, tuy nhiên, hai bên đều cùng chia sẻ sứ mệnh trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ quyền và lợi ích cho các nhóm cộng đồng, trong đó có QTE. Do đó, hai bên cần hỗ trợ nhau trong quá trình xây dựng chính sách để phục vụ đối tượng này trên cơ sở sự tin tưởng, trung thực, minh bạch và tôn trọng lẫn nhau.

1.4.3. Nguyên tắc 3: Minh bạch và Trách nhiệm giải trình giữa các bên (MBGT)

Minh bạch được hiểu là việc cung cấp thông tin không giới hạn một cách rõ ràng, chính xác, kịp thời giữa các cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo tiến trình xây dựng chính sách hiệu quả. Trách nhiệm giải trình giữa các bên được hiểu là trách nhiệm giải thích, chứng minh, biện minh giữa cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo tiến trình xây dựng chính sách một cách hiệu quả⁵. Để thực hiện nguyên tắc thứ 2 về sự tin tưởng và đảm bảo hiệu quả chất lượng sự tham gia của TCXH trong đóng góp xây dựng chính sách, các cơ quan có thẩm quyền và TCXH cần thực hiện minh bạch và trách nhiệm giải trình giữa hai bên.

1.4.4. Nguyên tắc 4: Độc lập

Đây vốn là một nguyên tắc cơ bản của TCXH⁶ để thực hiện sứ mệnh của mình. CSOs cần đảm bảo hoạt động một cách độc lập khi tham gia đóng góp xây dựng chính sách, đảm bảo phản ánh trung thực, thực tế với quan điểm độc lập.

⁵ Khái niệm về minh bạch và trách nhiệm giải trình này được MSD và các đối tác TCXH Việt Nam trong chương trình CSO-TAI của MSD công nhận và sử dụng.

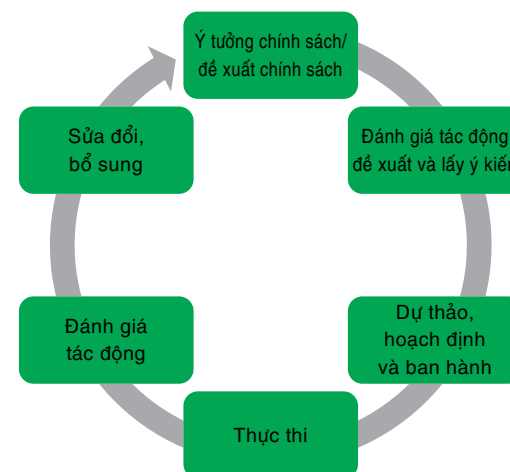
⁶ Bốn nguyên tắc cơ bản của CSOs bao gồm: Tự nguyện, tự quản, tự chủ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, và vì mục tiêu phi lợi nhuận

2. TIẾN TRÌNH VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÀ SỰ THAM GIA CỦA TCXH TRONG VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Như đã đề cập ở phần 1 về vai trò của TCXH trong VĐCS về CRG, chúng ta có thể phân loại cấp độ VĐCS của các TCXH ở cấp trong nước và quốc tế. Ở cấp độ trong nước, TCXH vận động những nhà hoạch định và ra quyết định chính sách đưa ra những thay đổi cho hệ thống xây dựng và thực thi chính sách trong nước để đảm bảo QTE. Ở cấp độ quốc tế, TCXH tham gia giám sát việc thực thi Công ước quốc tế về QTE, báo cáo việc thực thi và thúc đẩy nhà nước trong việc thực hiện các khuyến nghị của Liên hợp quốc để đảm bảo việc thực thi Quyền trẻ em. Phần sau đây đưa ra hai (2) quy trình các TCXH có thể tham gia để VĐCS cấp độ trong nước và quốc tế.

2.1. QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM VÀ KHẢ NĂNG TCXH TÁC ĐỘNG TỚI BÊN THỰC HIỆN QUYỀN - CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Hệ thống chính sách được xây dựng và thực thi thường trải qua một chu trình gồm các công đoạn khác nhau. Các bên thực hiện quyền muốn thay đổi về chính sách để sửa chữa các lỗi chính sách cũng cần thực hiện theo quy trình nhất định, thông thường bao gồm các bước sau:



Tùy theo việc khắc phục các lỗi chính sách, quy trình này có thể dài ngắn khác nhau trong cả ba trường hợp lỗi chính sách, kể cả với lỗi chính sách chưa được thực thi cũng bắt đầu từ việc đề xuất hiện trạng - lỗi chính sách và giải pháp chính sách /chế tài chính sách.

Để tác động lên bên thực hiện quyền hoặc các bên liên quan “trung gian” tác động lên bên thực hiện quyền, TCXH cần tham gia vào tất cả các bước của chu trình này.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, chu trình xây dựng chính sách pháp luật của Việt Nam gồm các giai đoạn sau:

- ✧ Sáng kiến xây dựng Luật, pháp lệnh;
- ✧ Soạn thảo Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội;
- ✧ Thông qua dự án Luật, Pháp lệnh của Quốc hội;
- ✧ Thực thi chính sách;
- ✧ Đánh giá tác động và hiệu quả chính sách;
- ✧ Bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh chính sách.

Dưới đây là gợi ý ví dụ về khả năng tham gia và VĐCS về CRG của trong tiến trình xây dựng chính sách liên quan đến trẻ em:

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
Bước 1: Phát sinh ý tưởng chính sách	Ý tưởng sáng kiến xây dựng chính sách có thể bắt nguồn từ các cơ quan có thẩm quyền, hoặc cũng có thể bắt nguồn từ các đề xuất, kiến nghị của TCXH về việc thực thi QTE. TCXH có thể tham gia bằng việc: ✧ Xác định và nêu vấn đề: Nêu vấn đề thực trạng về việc thực hiện QTE, liên đới tới các lỗi chính sách. Lỗi chính sách có thể được phát hiện trong 3 trường hợp sau (i) chưa có chính sách đề cập; (ii) đã có	Bộ Tư pháp, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
	chính sách nhưng chính sách chưa phù hợp; hoặc (iii) đã có chính sách nhưng việc thực hiện chính sách chưa phù hợp; ✧ Thông tin và nâng cao nhận thức: chia sẻ các phát hiện của TCXH với các cơ quan công quyền, và các nhóm cộng đồng; hoạt động như các kênh thông tin để tiếp cận trẻ em, gia đình và cộng đồng, lắng nghe, thông báo và phản hồi; ✧ Đề trình các sáng kiến, đề xuất, kiến nghị xây dựng luật, chính sách liên quan để khắc phục lỗi chính sách, đảm bảo việc thực hiện quyền trẻ em; ✧ Cung cấp các bằng chứng cần thiết cho các sáng kiến, đề xuất, kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh; ✧ Vận động, đề nghị được tham gia vào tiến trình xây dựng luật, chính sách	Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Các đại biểu quốc hội
Bước 2: Hoạch định và ban hành chính sách	Theo quy trình, có thể chia ra các bước chính như sau: <u>Thiết lập chương trình nghị sự:</u> Một khi sáng kiến luật được đệ trình và chấp nhận, chương trình nghị sự sẽ được Quốc hội thông qua cùng với quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, chính sách. Trong bước này, TCXH có thể tham gia bằng việc: ✧ Cung cấp chuyên môn và tư vấn: TCXH có thể cung cấp các chuyên gia có kiến thức về chủ đề chính sách, luật cụ thể để đóng góp ý kiến tư vấn chuyên môn trong việc thiết lập chương trình nghị sự. Các	Bộ, Ngành được phân công chủ trì soạn thảo Luật, chính sách Bộ Tư pháp (vụ chuyên môn liên quan), Văn phòng Chính phủ (Vụ xây dựng pháp luật)

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
	phân tích và nghiên cứu chuyên môn rất cần thiết trong việc xác định nhu cầu hiện tại và dự báo chính sách, cung cấp các quan điểm quan trọng để đóng góp vào việc xây dựng chương trình nghị sự hiệu quả; ✧ Đổi mới: phát triển các giải pháp mới và các cách tiếp cận sáng tạo và cách thức đưa chúng vào chương trình nghị sự. <u>Thành lập ban soạn thảo và soạn thảo nội dung luật, chính sách</u> Trong bước này, ban soạn thảo chính sách sẽ được thành lập, soạn thảo ý kiến nội dung dự án luật, chính sách và lấy ý kiến rộng rãi trước khi thẩm định dự án và trình Chính phủ thông qua. TCXH có thể đóng góp cho quá trình này với các vai trò khác nhau: ✧ Tham vấn chuyên môn: TCXH có kinh nghiệm và năng lực có thể được mời tham gia vào thành phần ban soạn thảo, tổ biên tập, cung cấp các phân tích và các nghiên cứu về các vấn đề đang được xem xét ưu tiên hoặc đưa thêm những ưu tiên thực tiễn vào dự thảo chính sách; (VD: Hội bảo vệ QTE Việt Nam được mời vào Ban soạn thảo nhiều Luật khác nhau liên quan đến trẻ em, trong đó có Luật trẻ em). ✧ Đại diện và giám sát: Đại diện cho TCXH, trẻ em, gia đình và cộng đồng tham gia tiến trình hoạch định chính sách và cung cấp giám sát khách quan cho tiến trình,	Cơ quan thẩm tra luật của Quốc hội Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Các đại biểu quốc hội

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
	đảm bảo tiến trình soạn thảo minh bạch và dựa trên các số liệu và thông tin thực tế; ✧ Nâng cao năng lực: TCXH thông báo thông tin và nâng cao nhận thức cho TCXH, cộng đồng và các bên liên quan về quá trình dự thảo chính sách; TCXH cũng có thể cung cấp nâng cao năng lực cho các tổ chức khác, các nhóm cộng đồng và các bên liên quan để vận động chính sách một cách hiệu quả, đảm bảo sự tham gia và đảm bảo nhu cầu và lợi ích của các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi dự thảo chính sách; ✧ Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng TCXH có trách nhiệm nghiên cứu, thu thập phân tích thông tin và cung cấp các bằng chứng cho quá trình soạn thảo chính sách; ✧ Vận động trực tiếp: Các TCXH trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động vận động chính sách, sử dụng các phương pháp và kênh vận động chính sách để tiếp cận, truyền tải thông điệp và gây ảnh hưởng tới tiến trình soạn thảo chính sách để đảm bảo có sự xem xét với các nhu cầu và lợi ích của các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi dự thảo chính sách. <u>Quyết định chính sách</u> Trước khi ra quyết định, dự thảo luật, chính sách được mở cho sự tham gia của CSOs và các bên liên quan. Tại bước này, tham khảo ý kiến đóng vai trò trung tâm. Tuy nhiên, quyền lựa chọn ra quyết định cuối cùng thuộc về các cơ quan có thẩm quyền và do quyền biểu	

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
	quyết của các đại biểu Quốc hội. Do đó, đến tiến trình này, để tham gia và tác động đến quá trình ra quyết định chính sách, TCXH cần tác động trực tiếp đến những người ra quyết định. TCXH có thể tham gia bằng việc ✧ Tham vấn chuyên môn: TCXH cung cấp các phân tích chi tiết để thông báo và ảnh hưởng đến các đại biểu Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua luật, chính sách; ✧ Đại diện và giám sát: Đại diện cho TCXH và cộng đồng tham gia giám sát đảm bảo rằng quá trình lấy ý kiến, phản hồi và ra quyết định mang tính dân chủ, minh bạch và có hiệu quả tối ưu; ✧ Nâng cao năng lực: TCXH thông báo thông tin và nâng cao nhận thức cho TCXH, cộng đồng và các bên liên quan về quá trình ra quyết định chính sách và các ảnh hưởng tiềm năng tới đối tượng chịu ảnh hưởng của chính sách; ✧ Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng: TCXH có trách nhiệm nghiên cứu, thu thập phân tích thông tin và cung cấp các bằng chứng cho các đại biểu Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua luật, chính sách; ✧ Vận động trực tiếp: Các TCXH trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động vận động chính sách, sử dụng các phương pháp và kênh vận động chính sách để tiếp cận, truyền tải thông điệp và gây ảnh hưởng tới đến các đại biểu Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua luật, chính sách.	

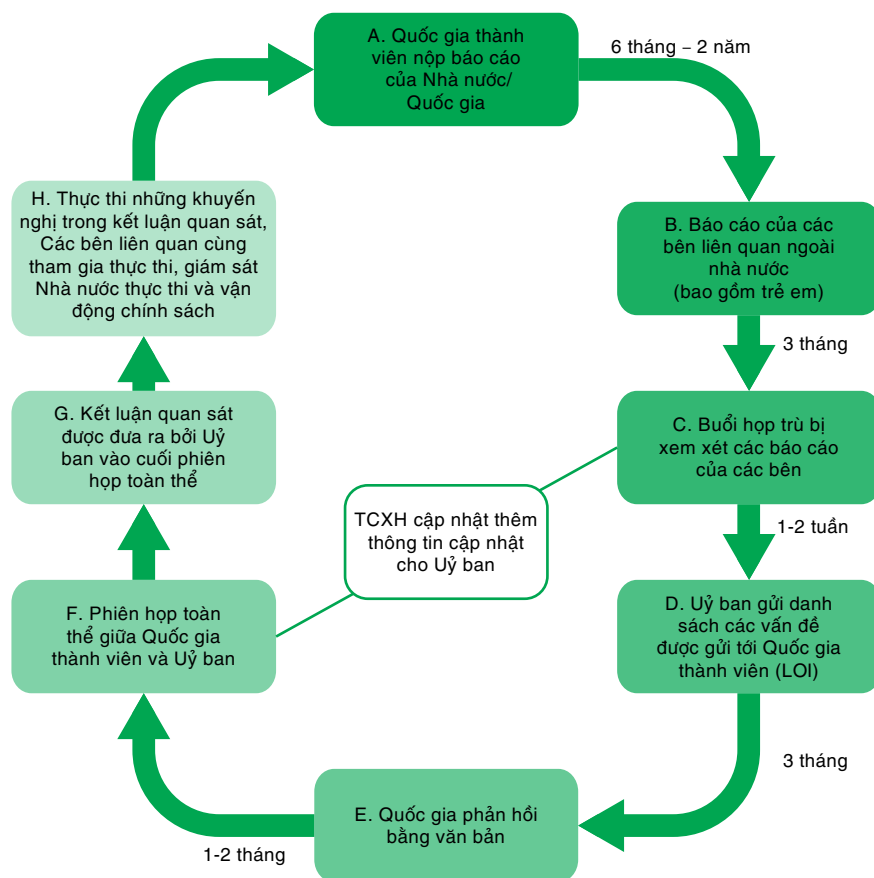
Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
Bước 3: Thực hiện chính sách	Đây là bước mà TCXH hoạt động mạnh nhất thông qua việc cung cấp dịch vụ và thực hiện dự án. Nhiều công việc được thực hiện bởi TCXH trong các bước trước đó bao gồm nỗ lực gây ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách. Giai đoạn này đặc biệt quan trọng để đảm bảo rằng các kết quả dự kiến sẽ được hoàn thành, chính sách được thực hiện trong thực tế. TCXH có thể tham gia bằng việc: ✧ Đại diện và giám sát: Đại diện cho TCXH và cộng đồng tham gia giám sát đảm bảo rằng chính sách được thực hiện trong thực tế và không có các “tác dụng phụ”; ✧ Nâng cao năng lực: TCXH chủ yếu tập trung vào nâng cao nhận thức công chúng, giải thích về lợi ích hoặc bất lợi và tác động của chính sách; ✧ Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng và dịch vụ: TCXH đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các sáng kiến chính sách và các bằng chứng của quá trình thực hiện chính sách trong thực tế; ✧ Vận động trực tiếp: Các TCXH trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động vận động chính sách, sử dụng các phương pháp và kênh vận động chính sách để đảm bảo chính sách được thực thi trong thực tế.	Các cơ quan thực thi chính sách Bộ Tư pháp, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc Bộ tư pháp; Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật Quốc hội Các đại biểu Quốc hội

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
Bước 4: Đánh giá tác động chính sách	Tại thời điểm này, TCXH đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá các kết quả của việc thực hiện chính sách. Để đánh giá tác động chính sách một cách hiệu quả, cần có sẵn một hệ thống giám sát hiệu quả và minh bạch để đảm bảo các chính sách/ chương trình đạt được mục đích. TCXH có thể tham gia bằng việc: ✪ Tham vấn chuyên môn: TCXH có kinh nghiệm và năng lực như các “think tanks” và các viện nghiên cứu có thể nghiên cứu bằng chứng và đánh giá tác động của chính sách để tham vấn cho các cơ quan có thẩm quyền; ✪ Đại diện và giám sát: Đại diện cho TCXH và cộng đồng tham gia tiến trình đánh giá tác động chính sách; ✪ Nâng cao năng lực: TCXH nâng cao năng lực cho TCXH khác và các nhóm cộng đồng để tham gia đánh giá tác động chính sách; ✪ Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng: CSOs có trách nhiệm nghiên cứu, thu thập phân tích thông tin và cung cấp các bằng chứng về tác động chính sách để cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền; ✪ Vận động trực tiếp: Các TCXH trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động giám sát và đánh giá tác động chính sách, sử dụng các phương pháp và kênh vận động chính sách để phản ánh thực tế tác động của chính sách lên công chúng.	Cơ quan chịu trách nhiệm đánh giá tác động chính sách Bộ Tư pháp, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc Bộ tư pháp; Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật Quốc hội Các đại biểu Quốc hội

Giai đoạn	Việc TCXH có thể làm	Đối tượng đích
Bước 5: Bổ sung sửa đổi chính sách	Kết quả thu được từ việc đánh giá việc thực hiện chính sách, tác động chính sách, cùng với nhu cầu phát triển trong xã hội, thường đòi hỏi sự bổ sung, sửa đổi chính sách. Việc sửa đổi, bổ sung này cần cho phép bắt đầu một chu kỳ ra quyết định mới. TCXH có thể tham gia bằng cách: ✪ Tham vấn chuyên môn: TCXH có kinh nghiệm và năng lực tiến hành nghiên cứu và phân tích để xác định khoảng cách trong các sáng kiến chính sách hiện hành và cung cấp lý do cho việc sửa đổi, bổ sung, TCXH cũng có thể phát triển cách tiếp cận mới để giải quyết các vấn đề chính sách liên quan, điều này có thể là một yếu tố quan trọng trong sự đổi mới chính sách; ✪ Đại diện và giám sát: Đại diện cho TCXH và cộng đồng tham gia giám sát tiến trình sửa đổi bổ sung chính sách; ✪ Nâng cao năng lực: TCXH nâng cao năng lực cho TCXH khác và các nhóm cộng đồng để tham gia đóng góp ý kiến bổ sung, sửa đổi chính sách; ✪ Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng: TCXH có trách nhiệm nghiên cứu, thu thập phân tích thông tin và cung cấp các bằng chứng để vận động sửa đổi chính sách cho phù hợp hơn với thực tiễn; ✪ Vận động trực tiếp: Các TCXH trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động vận động chính sách, sử dụng các phương pháp và kênh vận động chính sách để bổ sung, sửa đổi chính sách.	Bộ Tư pháp, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc Bộ tư pháp; Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật Quốc hội Các đại biểu Quốc hội

2.2. TIẾN TRÌNH BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC VỀ QTE

Quá trình báo cáo của Ủy ban là một tiến trình báo cáo đòi hỏi sự tham gia của Nhà nước và các bên liên quan (phỏng theo Child Rights Connect).



Như vậy, để tham gia quá trình này, TCXH có thể tham gia:

- ✧ TCXH rà soát các báo cáo của quốc gia nộp lên các cơ quan của Liên hợp quốc (UN). Thông thường, Quốc gia thường không công khai báo cáo của mình gửi cho cơ quan của UN, TCXH có thể yêu cầu thông tin của báo cáo. Nếu việc nộp báo cáo bị hoãn, TCXH cũng có thể yêu cầu biết được lý do.

- ✧ TCXH cũng có thể tìm thấy báo cáo của Quốc gia mình gửi cho UN trên website của OHCHR và có thể công bố rộng rãi nội dung báo cáo.
- ✧ Trong quá trình viết báo cáo, cơ quan chịu trách nhiệm viết báo cáo của Nhà nước có thể tham vấn với các TCXH, TCXH nên tham gia và đưa ý kiến, tuy nhiên, cơ quan nhà nước vẫn có quyền quyết định về nội dung trong báo cáo của mình.

Hướng dẫn TCXH tham gia tiến trình này được mô tả cụ thể tại Quyển 3: Giám sát và Báo cáo thực thi QTE

3. CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM

Chiến lược VĐCS được hiểu là tổng thể các phương pháp, kế hoạch, chiến thuật tổng thể để giúp xác định các hoạt động và cách thức thực hiện các hoạt động để đạt được mục tiêu vận động chính sách, với việc sử dụng các nguồn lực hiệu quả nhất. Một chiến lược vận động chính sách trả lời các câu hỏi:

- ✧ Làm gì để đạt được mục tiêu?
- ✧ Làm như thế nào?
- ✧ Làm thế nào để sử dụng hiệu quả các nguồn lực?

Tiến trình xây dựng chiến lược VĐCS về CRG bao gồm việc trả lời các câu hỏi chính sau:

- ✧ Câu hỏi 1: Vấn đề chính sách là gì? Chúng ta muốn/ cần thay đổi gì?
- ✧ Câu hỏi 2: Ai là những người có thể tạo nên/ ra quyết định cho sự thay đổi?
- ✧ Câu hỏi 3: Đối tượng đích cần nghe gì?
- ✧ Câu hỏi 4: Đối tượng đích nghe qua kênh nào?
- ✧ Câu hỏi 5: Chúng ta có gì? Chúng ta cần gì? Chúng ta có thể làm gì?
- ✧ Câu hỏi 6: Chúng ta bắt đầu từ đâu?
- ✧ Câu hỏi 7: Chúng ta làm thế nào để đảm bảo chúng ta đang làm tốt?

Có thể xem quá trình VĐCS như một vòng tuần hoàn, mỗi bước trong chu trình này đều đòi hỏi nỗ lực học hỏi, đúc rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện, bước trước làm tiền đề cho bước sau, bước cuối có thể làm tiền đề cho một cuộc vận động mới.

Trên thực tế, không phải mọi cuộc VĐCS của các chủ thể khác nhau đều thực hiện qua những bước này, không phải mỗi bước đều thực hiện đầy đủ các hoạt động được mô tả dưới đây. Cũng như vậy, không phải

mọi bước hoạt động đều có vai trò như nhau trong kết quả của vận động. Tuy nhiên, một chiến lược vận động với sự lưu ý đầy đủ đến tất cả các bước và áp dụng ở mức độ/quy mô thích hợp sẽ đóng góp quan trọng vào kết quả chung (hiệu quả) của chiến dịch vận động liên quan.

Các câu hỏi trong tiến trình xây dựng chiến lược VĐCS

✧ Vấn đề chính sách là gì? Chúng ta muốn/ cần thay đổi gì?	Công cụ 1: Xác định chính sách cần vận động Công cụ 2: Xác định bằng chứng của vấn đề cần VĐCS Công cụ 3: Xác định trọng tâm ưu tiên VĐCS
✧ Các bên liên quan có thể tạo nên những thay đổi cho vấn đề là ai?	Công cụ 4: Phân tích các bên liên quan; sự quan tâm, mức độ ảnh hưởng và mức độ quan trọng Công cụ 5: Phân tích quyền lực Công cụ 6: Ma trận đồng minh Công cụ 7: Xác định các đối tượng mục tiêu
✧ Đối tượng đích cần nghe gì? Và bằng cách nào?	Công cụ 8: Xây dựng thông điệp VĐCS Công cụ 9: Kênh truyền tải thông điệp VĐCS
✧ Chúng ta có gì? Chúng ta cần gì? Chúng ta có thể làm gì?	Công cụ 10: Phân tích môi trường bên trong tổ chức/mạng lưới Công cụ 11: Phân tích SWOT/ BEEM Công cụ 12: Lựa chọn vai trò và trách nhiệm của tổ chức
✧ Chúng ta bắt đầu từ đâu?	Công cụ 13: Đặt mục tiêu SMART Công cụ 14: Phân bổ công việc, nhiệm vụ, nguồn lực và thời gian
✧ Làm cách nào chúng ta biết chúng ta đang làm tốt	Giám sát đánh giá

3.1. CÂU HỎI 1: VẤN ĐỀ LÀ GÌ? CHÚNG TA MUỐN THAY ĐỔI GÌ?

Mục tiêu: xác định được vấn đề chính sách cần vận động.

3.1.1. Công cụ 1: Xác định vấn đề VĐCS về CRG

VĐCS về CRG như đề cập ở trên tập trung vào việc đảm bảo bên thực hiện quyền (duty bears) - ở đây là chủ thể nhà nước bảo đảm và phát huy quyền của trẻ em (chủ thể của quyền - right holders), tạo điều kiện cho việc thực thi QTE thông qua việc xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật công bằng và thực thi hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, đảm bảo sự tham gia của trẻ em. Do đó, vấn đề VĐCS xuất phát từ việc một hoặc một số các quyền của trẻ em theo Công ước quốc tế về QTE (CRC) chưa được đảm bảo, chưa được thực hiện do các lỗi chính sách của Nhà nước. Các lỗi chính sách bao gồm:

Lỗi 1: Thiếu các chính sách và pháp luật để đảm bảo việc thực hiện các quyền của trẻ em

Lỗi 2: Các chính sách đã được ban hành nhưng chưa phù hợp, chưa đáp ứng được nhu cầu hoặc gây ảnh hưởng cho việc thực hiện QTE

Lỗi 3: Các chính sách hợp lý đã được ban hành nhưng chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, hợp lý để đảm bảo QTE

Các vấn đề VĐCS		
Luật, chính sách chưa có để đảm bảo thực hiện quyền	Luật - Có Chưa phù hợp để đảm bảo thực hiện quyền	Luật - có, tương đối tốt Chưa được thực hiện

Lưu ý: Vấn đề VĐCS có thể bắt nguồn từ một số các lỗi chính sách khác nhau. Các lỗi về chính sách có thể tập hợp ở nhiều văn bản khác nhau hoặc ở cùng trong một văn bản pháp lý.

3.1.2. Công cụ 2: Xác định bằng chứng của lỗi chính sách

Để kiểm chứng và chứng minh lỗi chính sách cần VĐCS để thay đổi và tiến hành xây dựng chiến lược VĐCS, các TCXH cần kiểm chứng, đồng thời tìm bằng chứng cho vấn đề cần VĐCS. Các nghiên cứu tìm bằng chứng để chứng minh cho sự cần thiết VĐCS cần được thực hiện. Sự cần thiết này có thể được thể hiện qua hai trường hợp:

- ✧ Trường hợp 1: Nếu không có sự thay đổi về chính sách (lý do VĐCS) thì một hoặc một số QTE không đảm bảo được thực hiện; hoặc
- ✧ Trường hợp 2: Nếu sự thay đổi về chính sách được thực hiện (lý do VĐCS) thì các QTE sẽ được đảm bảo.

Các phương pháp xác định bằng chứng bao gồm:

- ✧ Nghiên cứu thông tin sơ cấp và thứ cấp;
- ✧ Thu thập các bằng chứng về các trường hợp cụ thể.

Ví dụ: Quyền về giấy tờ tùy thân của trẻ em

Kỹ năng bổ trợ - Thu thập và phân tích thông tin liên quan chính sách cần vận động:

Có thể tiến hành thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, cả nguồn chính thống (chính thức) và không chính thống (cân nhắc mức độ tin cậy) để đảm bảo có cái nhìn đa chiều với các chính sách liên quan. Điều này có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo cho việc phân tích thông tin hiệu quả, chính xác.

Thông tin có thể thu thập từ các nguồn sau:

- Thông tin sơ cấp tự thực hiện khảo sát/nghiên cứu thu thập được;
- Thông tin thứ cấp:
 - ✓ Các cơ sở dữ liệu trên mạng;
 - ✓ Các kho lưu trữ thông tin liên quan;
 - ✓ Các ấn phẩm, báo chí các loại;
 - ✓ Các bài viết/nghiên cứu chính sách (đặc biệt là các điều tra, thống kê);
 - ✓ Các khuyến nghị chính sách;

Để thu thập thông tin thứ cấp, cần đặc biệt lưu ý nhiều hơn đến các nguồn thông tin từ:

- Các nguồn thông tin từ cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, các TCXH khác và các tổ chức quốc tế liên quan và hoặc đang hỗ trợ cho quá trình xây dựng hoặc thực hiện chính sách liên quan;
- Các kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng và hoặc thực hiện chính sách tương tự;

- Các nguồn tin riêng mà TCXH có thể có;

Thông tin tập hợp được phải đầy đủ, nhiều chiều, có nội dung chính xác, nguồn có thể tin cậy được và cần được sắp xếp một cách có hệ thống để tiện cho quá trình phân tích thông tin.

Phân tích thông tin là quá trình phát hiện ra những thông tin có giá trị trong nguồn thông tin thu thập được và tách chúng ra khỏi nguồn thông tin thu thập.

Việc phân tích thông tin cần được thực hiện một cách khách quan và nhằm vào mục tiêu cụ thể của việc VĐCS

3.1.3. Công cụ 3: Lựa chọn ưu tiên/trọng tâm VĐCS

Đôi khi chúng ta sẽ xác định được cùng lúc nhiều lỗi chính sách, và việc các TCXH lựa chọn được một hoặc một vài ưu tiên để làm trọng tâm VĐCS sẽ rất quan trọng để phù hợp với bối cảnh và tập trung nguồn lực để vận động một cách hiệu quả.

Cách đơn giản là xây dựng một hệ thống các tiêu chí để lựa chọn. Có nhiều cách xây dựng tiêu chí khác nhau, cẩm nang này cung cấp một số các tiêu chí gợi ý như sau:

Các tiêu chí chính (gợi ý)	Câu hỏi gợi ý
Mức độ quan trọng và ảnh hưởng của vấn đề chính sách (lỗi chính sách) cần thực hiện VĐCS	✧ Kết quả của việc VĐCS có mang lại những thay đổi tích cực đến việc thực thi QTE? ✧ Kết quả VĐCS có giải quyết gốc rễ được vấn đề của việc QTE không được thực thi? ✧ Có tác động tiềm năng tới số lượng lớn? ✧ Có tác động tiềm năng tạo nên những sự thay đổi tích cực?
Khả năng thành công	✧ Mức độ thành công có cao không? ✧ Có nhiều rủi ro không? ✧ Vấn đề có dễ được giải quyết không? ✧ Có cơ hội cho sự tham gia của trẻ em không? ✧ Có các cơ hội truyền tải thông điệp thực tế không?

	✧ Mối quan hệ, liên kết và ủng hộ với bên ra quyết định và các bên liên quan như thế nào? ✧ Có đủ các nguồn lực để tiến hành vận động không? ✧ Khung thời gian bao lâu? Có rõ ràng không? ✧ Có cơ hội liên kết, hợp tác hiệu quả không? ✧ V.v.
Khả năng tổ chức VĐCS hiệu quả của tổ chức	✧ Có phù hợp với sứ mệnh, chiến lược và ưu tiên của tổ chức không? ✧ Tổ chức có thể đóng vai trò gì trong tiến trình này? ✧ Tổ chức có gia tăng được các giá trị cho tiến trình VĐCS? ✧ Tổ chức có lợi gì về danh tiếng hay nguồn lực không? ✧ Tổ chức có đủ nguồn lực để thực hiện vai trò của mình không?

3.2. CÂU HỎI 2: AI LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ THỂ TẠO NÊN/ RA QUYẾT ĐỊNH CHO SỰ THAY ĐỔI?

Sau khi chúng ta đã biết lỗi chính sách và chúng ta muốn thay đổi như thế nào, chúng ta cần biết các cá nhân hay tổ chức nào là những người có thể thay đổi theo ý chúng ta muốn. Những người này thường bao gồm chính quyền địa phương.

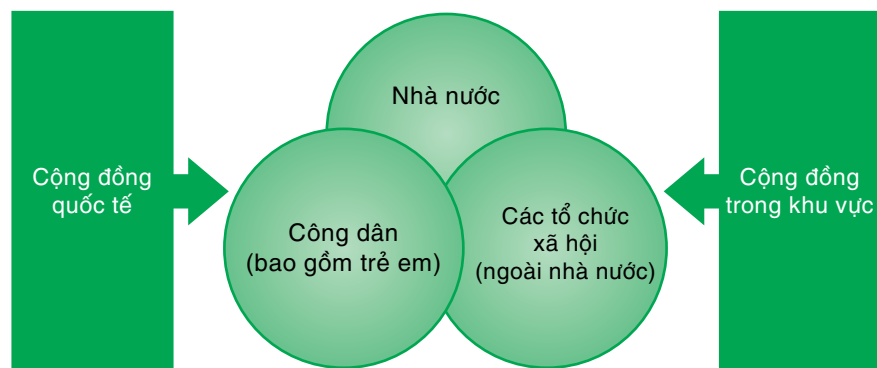
3.2.1. Công cụ 4: Phân tích các bên liên quan; sự quan tâm, mức độ ảnh hưởng và mức độ quan trọng

Công cụ này giúp xác định và phân tích sự quan tâm cũng như sự phân bổ nguồn lực của các bên liên quan tới vấn đề VĐCS mà TCXH có kế hoạch thực hiện. Đây là việc vô cùng quan trọng vì đây là căn cứ cơ bản để xây dựng chiến lược VĐCS, tác động tới đúng các đối tượng cần tác động với các kỹ thuật khác nhau.

Việc phân tích các bên liên quan bao gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định các bên liên quan có ảnh hưởng tới vấn đề VĐCS mà tổ chức đang có kế hoạch thực hiện.

Đây là việc xác định những nhóm, hoặc tổ chức mà TCXH sẽ cần nói chuyện hoặc làm việc cùng trong tiến trình VĐCS. TCXH có thể liệt kê ra tất cả các bên liên quan tới vấn đề cần VĐCS của tổ chức và phân nhóm để dễ nghiên cứu tiếp cận. Các nhóm bên liên quan trong VĐCS về CRG bao gồm:



Xem thêm Quyển 1 về CRG - các bên liên quan trong CRG.

Bước 2: Xác định mức độ quan tâm và quyền lực của các nhóm tới vấn đề cần VĐCS

Bước này nghiên cứu:

- ✧ Mức độ quan tâm
- ✧ Mức độ ảnh hưởng tới vấn đề cần VĐCS

của các nhóm/ tổ chức đã được xác định ở bước 1.

Bước 3: Xác định các cá nhân trong các nhóm/ tổ chức cần tác động để VĐCS.

Xác định:

- ✧ Vai trò của cá nhân trong tổ chức;
- ✧ Mức độ quan tâm tới vấn đề;
- ✧ Mức độ/ khả năng ảnh hưởng tới vấn đề.

Lưu ý: Các bên liên quan dễ bị bỏ sót là nhóm trẻ em và gia đình họ. Đây có thể là bên ít có quyền - mức độ ảnh hưởng tới vấn đề VĐCS nhưng giữ trọng tâm trong tiến trình tham gia VĐCS. Sự tham gia của gia đình và trẻ em sẽ được phân tích trong phần về sự tham gia của trẻ em và gia đình trong tiến trình VĐCS.

3.2.2. Công cụ 5: Phân tích quyền lực.

Ở bước 2 của công cụ 4, chúng ta đã tiến hành phân tích quyền lực của các bên liên quan, công cụ này giúp chúng ta phân tích kỹ hơn quyền lực của mỗi bên và các dạng thể quyền lực để giúp TCXH đưa ra chiến thuật “gây ảnh hưởng” một cách cụ thể.

Theo từ điển kinh doanh, quyền lực (power) là khả năng gây ra hoặc ngăn ngừa một hành động, làm cho điều gì xảy ra hoặc không xảy ra. Đúng vào nghĩa trong văn cảnh, quyền lực là khả năng ảnh hưởng tới suy nghĩ, hành động hoặc các giá trị của người khác, hoặc buộc người khác phải phục tùng (Ken Petress, 1963).

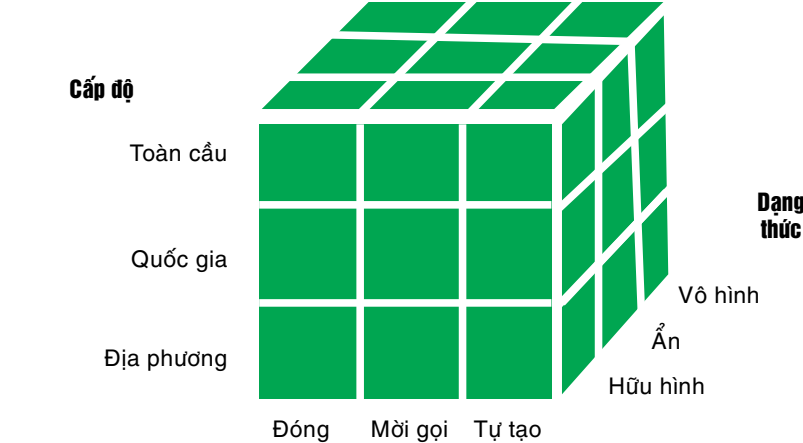
Các dạng thể của quyền lực:

- ✧ Quyền lực “đối với”
- ✧ Quyền lực “trong”
- ✧ Quyền lực “với”

Trong VĐCS, việc đề cao mối liên quan mật thiết giữa thay đổi và quyền lực là rất cơ bản. Tuy nhiên, VĐCS thường được thực thi mà không được hiểu tường tận, không có phân tích cận kề, hoặc nhìn nhận thay đổi sẽ như thế nào. Nhiều chiến lược VĐCS chỉ dựa trên giả định rằng chính sách thay đổi sẽ có khả năng đạt được thay đổi xã hội lâu dài. Trong khi thay đổi chính sách là cần thiết cho việc thúc đẩy QTE, xác định và khám phá các yếu tố cấu thành quyền lực có thể tác động đến chiến lược VĐCS cụ thể. Ví dụ, việc phân tích quyền lực có thể tiết lộ lý do tại sao một số chính sách được thông qua hay thực thi, ngược lại những chính sách khác thì không. Mặc dù không có cách tiếp cận phù hợp để thay đổi mọi mối quan hệ quyền lực, thực hiện một bản phân tích quyền lực sẽ giúp TCXH phát hiện các hình thức khác nhau của quyền lực ở nhiều bối cảnh nhất định, cách chúng tác động những thay đổi mà tổ chức muốn đạt được và những cơ hội và điểm xuất phát có thể dành cho hành động.

Công cụ Khối lập phương quyền lực.

Phương pháp tiếp cận Khối lập phương quyền lực là một công cụ hữu ích để xác định cấp, không gian và các hình thức của quyền lực và phân tích cách chúng tương tác với nhau. Nó cho phép TCXH thực hiện một phân tích quyền lực toàn diện của bất kỳ bối cảnh hoặc vấn đề nào, giúp tổ chức phát hiện trọn vẹn các mối quan hệ và các lực lượng để tìm ra các điểm tiếp cận VĐCS và phương của khối tổng hợp quyền lực đầy thách thức.



Các dạng thức quyền lực	Không gian	Cấp độ
Hữu hình: các cơ chế ra quyết định có thể quan sát được (ví dụ các cơ quan chính trị, đơn vị lập pháp, các hội đồng địa phương và các diễn đàn); Ẩn: các quyền lực hình thành và gây ảnh hưởng lên nội dung chính trị phía sau hậu trường; Vô hình: phương thức mà việc nhận thức quyền và lợi ích của cá nhân được che giấu thông qua việc chấp thuận các ý tưởng, quy định, giá trị và hành vi mang tính áp đặt	☼ <u>Không gian đóng</u> : Chỉ có các thành viên của một nhóm đặc biệt nào đó có thể được tham gia ☼ <u>Không gian mở - mời gọi sự tham gia</u> : Một người/nhóm người thiết lập và kiểm soát không gian này và mời nhóm khác tham gia ☼ <u>Không gian tự tạo</u> : Người, nhóm người bên ngoài một không gian nào đó tự tạo cho mình một không gian để đáp ứng nhu cầu của mình	TOÀN CẦU : Sức mạnh và thẩm quyền ở cấp độ toàn cầu hoặc khu vực có thể gây ảnh hưởng tới việc vận động chính sách của TCXH, ví dụ các cơ chế UPR, UNCRC, v.v. là ở cấp độ toàn cầu QUỐC GIA : Chính phủ, Quốc gia ĐỊA PHƯƠNG : các cấp địa phương của quyền lực có thể khác nhau tùy vào bối cảnh, nhưng đó là những đòn bẩy quan trọng để nắm giữ và thách thức quyền lực

3.2.3. Công cụ 6: Phân tích ma trận đồng minh và tác động.

Bước 1: Vẽ lại ma trận (theo mẫu dưới) trên bảng giấy

ĐỐI TƯỢNG MỤC TIÊU TIỀM NĂNG	
Quyền lực	Nhiều quyền lực - Ít mong muốn Người phản đối tiềm năng
	Nhiều quyền lực - Nhiều mong muốn Đồng minh và người có ảnh hưởng tiềm năng
	Ít quyền lực - Ít mong muốn Người phản đối tiềm năng
	Ít quyền lực - Nhiều mong muốn Đồng minh và người có ảnh hưởng tiềm năng
Mong muốn	

Bước 2: Bổ sung tất cả các bên liên quan.

Liệt kê tất cả các nhân tố (tốt nhất là tập trung vào cá nhân hơn là nhóm hay tổ chức) có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi quá trình VĐCS mà TCXH đang dự định thực hiện. Sau khi phác thảo quá trình hoạch định chính sách liên quan đến vấn đề, TCXH đã có thể xác định được một số người ra quyết định ở một số giai đoạn quan trọng của quá trình. Viết tên của mỗi bên cá nhân liên quan một thẻ riêng biệt (hoặc giấy nhắc việc).

Bước 3: Đặt các thẻ vào ma trận dựa trên:

(a) mức quyền lực tổ chức bạn nhìn thấy để đạt được thay đổi về vấn đề VĐCS và (b) mức độ sẵn lòng họ muốn thực hiện thay đổi mong muốn. Sắp xếp thẻ trên ma trận nên dựa trên bằng chứng (như nghiên cứu, trao đổi, phỏng vấn, quan sát ...) và TCXH nên ghi chú lý do xếp vị trí thẻ (ví dụ Mong muốn chính trị có thể chịu ảnh hưởng bởi định hướng chính trị, niềm tin cá nhân, lợi ích cá nhân ...).

Bước 4: Xác định mục tiêu tiềm năng.

Ma trận giúp TCXH bắt đầu xác định các mục tiêu tiềm năng, các đồng minh, người có ảnh hưởng và người phản đối căn cứ vào vị trí bạn đặt thẻ. Đối tượng quyền lực nhất (hai vị trí phía trên của ma trận) là mục tiêu chính và cần được ưu tiên. Cũng có các nhân tố ít quyền hơn nhưng cũng có thể làm đòn bẩy tạo sự thay đổi bằng cách tác động đối tượng mục tiêu quan trọng (ví dụ như người nổi tiếng, vợ, chồng của các chính trị gia hàng đầu vv). Đối tượng phản đối tiềm năng nằm bên trái ma trận nên được nhận dạng và các lực lượng gây cản trở, rủi ro cho tiến trình VĐCS.

Bước 5: Xác định ưu tiên.

Ở giai đoạn này, có thể ưu tiên và tập trung nỗ lực vào các nhân tố quan trọng. TCXH cũng có thể làm vậy bằng cách khoanh tròn đối tượng được cho là nhân tố chính. Sau khi lập danh sách thứ tự ưu tiên, có thể bắt đầu thảo luận về những thay đổi mong muốn trong hành vi (hoặc lập trường) và trong hành động của nhân tố chính đối với vấn đề. Bạn

có thể hiển thị quỹ đạo của sự thay đổi trực quan trên ma trận. Ví dụ, bạn muốn những đối tượng quyền lực nâng cao nhận thức về vấn đề nhằm thuyết phục họ hành động tích cực. Tiếp theo, có thể phân chia các quỹ đạo của thay đổi vào với các tiến độ mà bạn sẽ:

- ✧ Mong đợi thấy: thay đổi ngắn hạn xác nhận đối tượng đang tiến triển đúng hướng và hưởng ứng nỗ lực vận động của bạn (ví dụ như nói nhiều hơn về vấn đề, tham gia các cuộc họp liên quan).
- ✧ Muốn thấy: tiến triển trung đến dài hạn do hoạt động VĐCS và các yếu tố ảnh hưởng khác (ví dụ tiếp cận những đối tượng khác để tác động tích cực về vấn đề).
- ✧ Rất muốn thấy: thay đổi lâu bền vượt ngoài chu kỳ sáng kiến VĐCS của bạn và đạt được quá trình thay đổi liên tục nhờ các lực lượng ngoài tầm kiểm soát của bạn tác động (ví dụ thay đổi lâu bền trong các mối quan hệ quyền lực vô hình liên quan đến các tiêu chí và giá trị đối với vấn đề).

3.2.4. Công cụ 7: Xác định các đối tượng mục tiêu

Sau khi phân tích các bên liên quan, các đồng minh và các nhóm cần lôi kéo thuyết phục để trở thành đồng minh - tạo sức mạnh cho sự thay đổi. Bước này đưa các bên liên quan vào bảng phân tích để đưa ra chiến lược tác động phù hợp.

Các yếu tố phân tích (ví dụ)	Đối tượng đích 1	Đối tượng đích 2
Đối tượng đích (tên)		
Sự quan tâm của đối tượng đích tới vấn đề (mức độ, nguyên nhân, động cơ, v.v.)		
Nếu không ủng hộ vấn đề, lý do là gì (nguyên nhân, động cơ)		
Mức độ ảnh hưởng tới vấn đề VĐCS		
Tầm hiểu biết tới vấn đề VĐCS		

Khả năng tiếp cận đối tượng đích		
Đối tượng đích cần nghe điều gì? (cụ thể hơn ở Câu hỏi 3: Thông điệp chúng ta cần truyền tải là gì?)		
Đặc tính, thói quen khác cần lưu ý		
Chiến thuật tiếp cận và tác động phù hợp		

Trong hầu hết các trường hợp, đối tượng mục tiêu chính yếu của VĐCS chính là các bên thực hiện quyền (duty bearer) - những người ra quyết định mà chúng ta có thể tác động trực tiếp. Trong một số trường hợp đặc biệt, để “tiếp cận” và tác động tới bên thực hiện quyền, chúng ta cần đi qua một số bên “trung gian” đối tác được lôi kéo làm đồng minh để hỗ trợ tác động tới đối tượng đích.

3.3. CÂU HỎI 3: ĐỐI TƯỢNG ĐÍCH CẦN NGHE GÌ? VÀ BẰNG CÁCH NÀO?

Câu hỏi này đồng thời là câu hỏi: Thông điệp VĐCS của chúng ta là gì?

Xây dựng thông điệp VĐCS là một nội dung rất quan trọng trong chiến lược VĐCS. Thông điệp VĐCS dùng để tác động trực tiếp tới đối tượng đích, nói cho họ biết mong muốn, đòi hỏi của TCXH và cộng đồng việc họ nên làm, tại sao lại nên làm và tác động tích cực của việc làm đó.

3.3.1. Công cụ 8: Xây dựng thông điệp VĐCS

Thông điệp có thể được hiểu là các nội dung thông tin chính được chuyển tải bằng nhiều hình thức khác nhau một cách nhất quán tới các nhà ra quyết định về chính sách, bên thực hiện quyền nhằm tạo ảnh hưởng đến các quyết định về chính sách liên quan đến việc đảm bảo thực hiện QTE.

Một thông điệp tốt bao gồm các nội dung sau:

- ✧ Tiếng nói của trẻ em - bên nắm quyền: quyền gì của trẻ em chưa được đảm bảo, ở đâu, bao nhiêu, tác động như thế nào? Lỗi chính sách là gì?
- ✧ Thông tin/ bằng chứng chứng minh, tính cấp bách, cần thiết phải thay đổi chính sách
- ✧ Chính sách có lỗi gì?
- ✧ Các giải pháp chính sách ra sao? Chính sách nên được
- ✧ Các thông tin khác mà người ra quyết định muốn biết/có ảnh hưởng đến người ra quyết định: sự ủng hộ của các chính sách, luật pháp, chương trình quốc gia/địa phương, sự ủng hộ của đại chúng, sự đồng thuận của các cơ quan liên quan, các tác động của sự thay đổi chính sách

TCXH cần xây dựng thông điệp VĐCS tổng quát, tuy nhiên với mỗi đối tượng mục tiêu có thể có các nội dung bổ sung khác nhau. Đi song hành với việc xây dựng thông điệp VĐCS, các tổ chức còn cần xác định cách thức/ hoạt động để có thể truyền tải thông điệp tới đối tượng mục tiêu.

Thông thường, các TCXH không có nhiều thời gian để tiếp cận các nhà hoạch định chính sách để truyền tải hết mọi điều cần thiết, do đó, khẩu hiệu VĐCS là cách truyền tải thông điệp VĐCS hiệu quả. Khẩu hiệu VĐCS cần được xây dựng dựa trên sự hiểu biết thấu đáo về đối tượng mục tiêu bao gồm: những điều gì đối tượng mục tiêu đã biết và còn cần biết thêm điều gì để có ý nghĩ thay đổi, cô đọng, tập trung và ngắn gọn.

Có thể phân biệt thông điệp VĐCS và khẩu hiệu VĐCS:

Thông điệp	Khẩu hiệu
⊗ Không quá ngắn, bao gồm nhiều nội dung	⊗ Là dạng ngắn gọn của thông điệp, rất ngắn gọn.
⊗ Tiếng nói của nhóm bị ảnh hưởng bởi chính sách	⊗ Nhiều khi không mang tiếng nói của nhóm bị ảnh hưởng
⊗ Thông tin/bảng chứng cứ minh, tính cấp bách, cần thiết phải thay đổi	⊗ Thường chỉ có một thông tin chính, thường không có bằng chứng
⊗ Các giải pháp chính sách	⊗ Không có giải pháp
⊗ Các thông tin khác mà người ra quyết định muốn biết/có ảnh hưởng đến người ra quyết định	⊗ Thường không có thông tin khác
⊗ Nhất quán	⊗ Rất nhất quán
⊗ Thiết kế phù hợp với đối tượng	⊗ Không có tính phù hợp với đối tượng
	⊗ Dễ sử dụng, lan truyền nhanh, mục tiêu chính là thay đổi nhận thức
	⊗ Có thể bị hiểu lầm

Các nguyên tắc trong xây dựng thông điệp:

- 1. Biết rõ đối tượng mục tiêu:** Tìm hiểu những gì họ biết, họ quan tâm, giá trị và ưu tiên của họ và ngôn ngữ mà họ sử dụng.
- 2. Biết môi trường chính trị và thời điểm:** Các cuộc tranh luận lớn, những vấn đề lớn và những lo ngại trong bối cảnh của bạn là gì? Chúng tác động đến thông điệp của bạn như thế nào?

3. Tin nhắn đơn giản và ngắn gọn: Hãy chắc chắn rằng người không biết về chủ đề cũng hiểu được thông tin. Tránh biệt ngữ.

4. Sử dụng những câu chuyện đời thực và các trích dẫn: yếu tố con người làm cho một vấn đề trở thành hiện thực. Trích dẫn và chuyện đời người gọi đến những thách thức mà những người trực tiếp bị tác động phải đối mặt. Chúng cũng giúp làm cho thông điệp liên quan đến địa điểm thông qua việc truyền tải thông tin liên quan đến bối cảnh địa phương và do đó dễ hiểu hơn cho đối tượng mục tiêu.

5. Sử dụng ngôn ngữ chính xác, mạnh mẽ và động từ chủ động

6. Sử dụng các sự kiện và con số chính xác và Sáng tạo: Các dữ kiện bạn chọn và cách trình bày làm cho vấn đề của bạn rất quan trọng. Cách nói “Cứ 3 trẻ em thì có 1” hiệu quả hơn là “hơn 30% trẻ em...” truyền tải cùng một dữ kiện nhưng rõ ràng hơn.

7. Thích ứng thông điệp với phương tiện truyền thông: Mỗi phương tiện có khả năng và hạn chế. Ví dụ, âm thanh, tiếng nói và nền tiếng động rất quan trọng khi truyền đạt thông điệp trên radio, trong khi tận dụng các yếu tố hình ảnh của thông điệp rất quan trọng trên truyền hình và trên internet.

8. Cho phép đối tượng mục tiêu hiểu theo cách riêng: Nên đưa các chi tiết cơ bản thôi bởi vì quá nhiều thông tin có thể trở thành giáo điều và làm loãng sự chú ý của đối tượng.

9. Khuyến khích đối tượng mục tiêu hành động: TCXH phải rõ ràng về những hành động của đối tượng mục tiêu (chính) hoặc của cộng đồng nói chung hỗ trợ cho sự nghiệp của bạn. Đưa ra các kiến nghị thẳng thắn như “sửa đổi Luật trẻ em trước thời hạn”, “ký kiến nghị trực tuyến của chúng tôi”

10. Trình bày một giải pháp khả thi: Luôn truyền đạt tới đối tượng mục tiêu nội dung kiến nghị để cải tiến chính sách cho TCXH tốt hơn, tránh chỉ trích.

Công cụ bổ sung: Sổ tay Hỏi - đáp:

Sau khi xây dựng được thông điệp cốt lõi và đặc thù, rất có ích nếu xây dựng Sổ tay “Hỏi-đáp” (còn gọi là bảng hỏi và trả lời) trước khi gặp trực tiếp những người quyết sách hoặc chuyển thông điệp đến các phương tiện truyền thông. Sổ tay này có thể là một tài liệu hữu dụng cho nội bộ. Nó tạo điều kiện cho mọi người tham gia vào VĐCS, đưa ra các câu trả

lời rõ ràng, chính xác và phù hợp cho các câu hỏi phổ biến, đặc thù, gây tranh cãi hoặc dai dẳng nhất. Có thể sử dụng sổ tay này khi giao tiếp với đồng nghiệp, đối tượng mục tiêu, chuyên gia kỹ thuật, tổ chức đồng đẳng và các giới truyền thông.

Hướng dẫn

Cùng các đồng nghiệp, TCXH hãy lên danh sách các câu hỏi thường gặp xung quanh vấn đề VĐCS của tổ chức. Đặc biệt chú ý đến các tranh cãi liên quan đến vấn đề mà VĐCS có thể giải quyết được và những điểm mọi người có vẻ sẽ yêu cầu tổ chức nhận xét hay đánh giá.

1. Dự thảo câu trả lời ngắn (trong khoảng một hoặc hai đoạn). Nên dùng từ cẩn thận, dễ hiểu, rõ ràng và đầy đủ. Lý tưởng nhất là các câu trả lời không cần giải thích thêm. Vì lý do này, nên thử các câu trả lời với bên ngoài (hoặc người trong gia đình) trước để họ giúp bạn biên soạn đúng mục.

2. Sổ tay "Hỏi-đáp" là một tài liệu sống. Cần nhiều bản thảo, góp ý để hoàn thiện cuốn sổ tay này và thường xuyên cập nhật sau các hoạt động VĐCS và phỏng vấn truyền thông

những người khác nhau có thể đóng góp vào các câu trả lời. Nó sẽ được cập nhật thường xuyên và khi tiếp tục phản ứng nhận được các hoạt động vận động và các phương tiện truyền thông sau cuộc phỏng vấn.

3.3.2. Công cụ 9 - Xác định các kênh VĐCS

Cùng một thông điệp sẽ có tác động khác nhau tùy vào phương pháp truyền tải thông điệp.

Có rất nhiều cách để truyền tải thông điệp tới đối tượng đích từ việc sử dụng người trung gian đưa ra thông điệp cá nhân, các buổi hội họp, các chiến dịch, diễn đàn hay báo chí, v.v. Để đảm bảo đối tượng đích nghe được thông điệp, các TCXH cần xác định được các cơ hội để tác động đến quá trình ra quyết định, lựa chọn được kênh và cách thức phù hợp nhất để truyền tải thông điệp tới đối tượng đích.

Có nhiều cách truyền tải thông điệp và yêu cầu vận động (kiến nghị thay đổi chính sách và thực tiễn) tới đối tượng khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh của bạn. Tốt nhất nên đánh giá phương pháp và chiến thuật hiệu quả nhất dựa căn cứ vào tình hình chính trị trong bối cảnh của TCXH, văn hóa, truyền thống và những rủi ro mà bạn có thể phải đối mặt khi phát ngôn vấn đề VĐCS.

Cần những điểm sau khi nghĩ đến truyền tải thông điệp có thể giúp ích cho bạn:

- ✧ **Nguồn:** Đối tượng mà người nhận thông tin sẽ phản hồi và thấy đáng tin cậy
- ✧ **Định dạng:** Sử dụng cách nào để truyền đạt thông điệp đạt hiệu quả tối đa? Ví dụ, một bức thư, gặp mặt, viết bài về chính sách, báo cáo, tờ rơi, mẫu quảng cáo, hội nghị cấp cao hay một tài liệu hoặc kết hợp các dạng trên?
- ✧ **Thời điểm:** Thời điểm nào truyền tải thông điệp là tốt nhất? Bạn có thể tính thời điểm cho thông điệp của mình trong quá trình ra quyết định hoặc trong sáng kiến vận động không? Có thể chọn trùng với một lễ kỷ niệm tầm quốc gia hay quốc tế liên quan hoặc một ngày lễ của trẻ em lấy mốc cho một vấn đề liên quan? (VD: Tháng hành động vì trẻ em (tháng 6), Kỷ niệm Việt nam ký kết Công ước Quốc tế về QTE, v.v. Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường 5/9, v.v.). TCXH cần phải tận dụng các cơ hội thích hợp trong quá trình VĐCS. Thời điểm là đặc biệt quan trọng khi hoạch định chiến lược truyền thông.
- ✧ **Địa điểm:** Có vị trí hoặc địa điểm nào để truyền tải thông điệp mà có thể nâng cao uy tín ảnh hưởng chính trị không? Ví dụ, một sự kiện bên lề tại hội nghị quốc tế hoặc buổi thuyết trình tại Quốc hội hoặc tại không gian chung công cộng cho gia đình và trẻ em (Ví dụ Cung văn hoá thiếu nhi, phố đi bộ Hồ Hoàn Kiếm, v.v.)

Có rất nhiều phương pháp và hoạt động có thể sử dụng trong VĐCS, tuy nhiên, với mục đích, mục tiêu và bối cảnh khác nhau, TCXH cần lựa chọn kênh VĐCS phù hợp để đưa mục tiêu vận động của mình tới người có quyền quyết định chính sách liên quan. Một số kênh VĐCS bao gồm:

Phương pháp	Mô tả	Cách sử dụng	Ví dụ hoạt động
Tập hợp/kết nối mạng lưới	✧ Tập hợp và xây dựng liên minh với nhiều người, nhiều tổ chức khác nhau ✧ Cùng vận động thay đổi	✧ Cho các hoạt động VĐCS mang tính dài hạn và đảm bảo tính bền vững của hoạt động ✧ Khi tổ chức đơn lẻ không đủ khả năng về số lượng hoặc kinh nghiệm, năng lực	✧ Gặp gỡ các nhà lãnh đạo cộng đồng ✧ Chia sẻ thông tin qua các buổi gặp gỡ, sự kiện, qua bản tin, diễn đàn, thư điện tử, v.v.. ✧ Tham gia các hội thảo tham vấn
Vận động hành lang	✧ Tiếp cận và thuyết phục trực tiếp các đối tượng mục tiêu, giải thích vấn đề và đề xuất hướng giải quyết	✧ Khi đối tượng mục tiêu tương đối thoải mái, sẵn sàng lắng nghe ý kiến có tư duy thay đổi	✧ Thực hiện các buổi gặp gỡ, điện thoại, email ✧ Gửi các văn bản ngắn ✧ Gặp gỡ công khai (tại nơi làm việc, tại nhà, ...)
Nâng cao nhận thức	✧ Truyền thông về vấn đề với công chúng để họ nhận thức được vấn đề (Thông thường đây là bước đầu tiên khi thực hiện VĐCS)	✧ Khi thông tin không được công khai ✧ Khi vấn đề tương đối phức tạp ✧ Để xây dựng sự tự tin và sự tin tưởng của công chúng	✧ Tập huấn ✧ Hội thảo ✧ Băng rôn, áp phích
Sử dụng phương tiện truyền thông	✧ Sử dụng các phương tiện truyền thông như truyền thanh, truyền hình, báo chí	✧ Khi tổ chức không thể hoặc khó tiếp cận trực tiếp với những nhà hoạch định chính sách	✧ Các bài báo/thông cáo báo chí ✧ Phóng sự truyền thanh/truyền hình

3.4. CÂU HỎI 4: CHÚNG TA CÓ GÌ? CHÚNG TA CẦN GÌ? CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM GÌ?

VĐCS hiệu quả đòi hỏi TCXH cần định vị được tổ chức để biết được nguồn lực, vị trí và cách thức tổ chức có thể đảm nhiệm trong việc VĐCS.

3.4.1. Công cụ 10: Phân tích năng lực tổ chức

Công cụ này cho phép tổ chức đánh giá năng lực của tổ chức trong việc tham gia VĐCS. Công cụ giúp tổ chức xác định:

- ✧ Vấn đề VĐCS nào tổ chức có thể làm tốt
- ✧ Các nguồn lực tiềm năng nên được sử dụng để xây dựng các điểm mạnh cho tổ chức
- ✧ Xác định được các điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức cũng như cách để khắc phục điểm yếu
- ✧ Xác định được những mong muốn thực tế của tổ chức trong VĐCS

Bảng minh họa ở dưới sẽ liệt kê ra một loạt các năng lực, tuy nhiên, các tổ chức có thể chưa có đủ tất cả các năng lực này vẫn có thể tham gia VĐCS, thậm chí chưa tới một nửa số năng lực này. Việc xác định các năng lực quan trọng là để các TCXH nhận biết được các năng lực mình đã có và nên xây dựng để thực hiện việc VĐCS ngày càng hiệu quả.

Các năng lực	Điểm (5-1)
A. Sức mệnh, mục tiêu, các giá trị của tổ chức & chiến lược	
1. Sức mệnh, mục tiêu rõ ràng và được chia sẻ trong tổ chức	
2. Các giá trị rõ ràng và có sự đồng thuận trong tổ chức	
3. Sự hiểu biết về tầm quan trọng và mối liên quan mật thiết giữa VĐCS với sứ mệnh, mục tiêu của tổ chức	
4. Các chiến lược hoạt động phục vụ cho sứ mệnh và mục tiêu tổ chức	
5. Sự hiểu biết về bản chất của VĐCS và cách sử dụng quyền lực hợp lý	
6. Sự cam kết của tổ chức về việc bảo vệ quyền lợi cho các nhóm cộng đồng thiệt thòi mà tổ chức đang phục vụ	

Các năng lực	Điểm (5-1)
B. Hệ thống nội bộ và cơ cấu tổ chức	
1. Tiến trình ra quyết định rõ ràng và minh bạch	
2. Sự cam kết VĐCS ở mức độ cao nhất	
3. Xác định rõ ràng đối tượng thiết thời cần VĐCS mà tổ chức đang hỗ trợ	
4. Sự hiểu biết về hệ thống tư pháp và lập pháp	
5. Sự tham gia của các bên liên quan trong VĐCS và các công việc phát triển khác	
6. Hệ thống giao tiếp, thông tin nội bộ và ngoài tổ chức	
7. Hệ thống giám sát đánh giá của tổ chức	
8. Kinh nghiệm xử lý mâu thuẫn	
Các kỹ năng, kinh nghiệm và hiểu biết	
1. Hiểu biết về hệ thống chính sách cấp địa phương, quốc gia và quốc tế liên quan đến vấn đề cần VĐCS của nhóm đối tượng thiết thời mà tổ chức đang phục vụ	
2. Hiểu biết về quá trình xây dựng chính sách	
3. Hiểu biết vai trò của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách	
4. Kỹ năng nghiên cứu và tiếp cận thông tin	
5. Kỹ năng huy động cộng đồng và nângcao nhận thức	
6. Kỹ năng tiếp cận hệ thống pháp luật	
7. Kỹ năng xây dựng chiến lược	
8. Kinh nghiệm làm việc với truyền thông	
9. Kỹ năng vận động hành lang	
10. Kỹ năng xây dựng/ hỗ trợ mạng lưới	
11. Kỹ năng quản lý rủi ro	
Các nguồn lực	
1. Nhân sự cam kết với VĐCS	
2. Tài chính đầu tư cho VĐCS	
Các mối quan hệ	
1. Khả năng tiếp cận/ mối quan hệ với cộng đồng thiết thời	

Các năng lực	Điểm (5-1)
2. Khả năng tiếp cận/mối quan hệ với các nhà hoạch định chính sách	
3. Khả năng tiếp cận/ mối quan hệ với các TCXH địa phương	
4. Khả năng tiếp cận/ mối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ quốc tế	
5. Khả năng thiết lập mạng lưới	
6. Mối quan hệ với truyền thông	
7. Khả năng tiếp cận và làm việc với các chuyên gia liên quan	
8. Khả năng tiếp cận với các tập huấn viên về VĐCS và các nguồn lực VĐCS khác liên quan trong cùng lĩnh vực	

Lưu ý: Việc tiếp cận các năng lực của tổ chức nên được thực hiện bằng phương pháp có sự tham gia, tránh trường hợp một cá nhân đánh giá cho cả tổ chức. Tổ chức cũng nên thực hiện bảng đánh giá này thường xuyên (1-2 lần/năm) để xem xét lại năng lực VĐCS của tổ chức, cũng như sự tiến bộ của tổ chức.

3.4.2. Công cụ 11: Phân tích SWOT/BEEM

Công cụ này dùng để tổng kết lại những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi và khó khăn của tổ chức khi tham gia VĐCS để làm căn cứ xây dựng chiến lược dựa trên các thuận lợi và các điểm mạnh của tổ chức, đồng thời hạn chế các điểm yếu và khó khăn.

Sau khi TCXH đã sử dụng công cụ số 9 để tiếp cận năng lực của tổ chức, tổ chức cần đưa ra các giải pháp hành động để cải thiện năng lực. Có thể, tổ chức sẽ không thể cải thiện tất cả các năng lực còn yếu cùng một lúc, vì vậy cần lựa chọn các vấn đề ưu tiên để nâng cao năng lực. Một trong những cách thực hiện việc lựa chọn này là sử dụng phân tích SWOT/BEEM.

Công cụ phân tích SWOT/BEEM là một cách đơn giản để tiếp cận sâu vào các điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức, thuận lợi và khó khăn để đưa ra chiến lược phù hợp.

Điểm mạnh (Strengths)	Làm thế nào để phát huy (Build)?
Điểm yếu (Weaknesses)	Làm thế nào để khắc phục (Eliminate)?
Cơ hội (Opportunities)	Làm thế nào để tận dụng (Exploit)?
Thách thức (Threats)	Làm thế nào để hạn chế (Minimize)?

3.4.3. Công cụ 12: Lựa chọn vai trò và trách nhiệm của tổ chức

Chiến lược VĐCS cần xác định rõ ràng vai trò VĐCS của tổ chức. Ví dụ, tổ chức có thể dẫn đầu tiến trình VĐCS và trực tiếp tiếp cận các nhà hoạch định chính sách, hoặc có thể đóng vai trò hỗ trợ mạng lưới hoặc các NGOs khác hoặc nhóm cộng đồng thực hiện VĐCS. Việc xác định vai trò này của tổ chức phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau bao gồm các nguồn lực, các mối quan hệ, kinh nghiệm về vấn đề, các rủi ro tiềm tàng, và quan trọng nhất là cách thức để gây ảnh hưởng/ tác động lên vấn đề VĐCS. Cần lưu ý rằng các cán bộ của tổ chức tham gia VĐCS cũng có thể đóng các vai trò khác nhau hoặc cùng một người có thể đóng nhiều vai trò khác nhau với các đối tượng tiếp cận khác nhau.

Thông thường, có một số vai trò để các TCXH lựa chọn như sau:

Vai trò gì?	Làm gì?	Trong trường hợp nào?
Tham vấn chuyên môn	Cung cấp các tham vấn kỹ thuật và thông tin cho các nhà hoạch định chính sách	- Khi tổ chức có kinh nghiệm và hoặc khả năng tiếp cận trực tiếp với các nhà hoạch định chính sách - Tổ chức có kinh nghiệm trong nghiên cứu và cung cấp thông tin
Đại diện và Giám sát	- Đại diện cho nhóm các tổ chức hoặc cộng đồng VĐCS - Tham gia tiến trình hoạch định chính sách và cung cấp giám sát khách quan cho tiến trình, đảm bảo tiến trình minh bạch và dựa trên các số liệu và thông tin thực tế	- Tổ chức có uy tín được uỷ nhiệm của cộng đồng để đại diện - Tổ chức có mối quan hệ tốt với các nhà hoạch định chính sách

Vai trò gì?	Làm gì?	Trong trường hợp nào?
Nâng cao năng lực	Nâng cao năng lực cho (các) TCXH khác hoặc các nhóm tham gia vận động chính sách, tiếp cận các nhà hoạch định chính sách. Nâng cao năng lực có thể bao gồm nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm, hỗ trợ thành lập mạng lưới, cung cấp các nguồn lực, tập huấn về kỹ năng VĐCS, hỗ trợ xây dựng chiến lược và thực hiện chiến lược VĐCS, v.v.,.	- Trung tâm có khả năng và kinh nghiệm nâng cao năng lực cho cộng đồng, các bên liên quan và các TCXH khác - Tổ chức có mối quan hệ tốt với các tổ chức khác, và các bên liên quan
Nghiên cứu, cung cấp bằng chứng	Nghiên cứu, thu thập phân tích thông tin và cung cấp các bằng chứng cho tiến trình VĐCS	Tổ chức có năng lực nghiên cứu và có mối quan hệ mật thiết với cộng đồng để phát hiện và thu thập các bằng chứng cần VĐCS
Vận động trực tiếp	Trực tiếp tổ chức và tham gia các hoạt động VĐCS, sử dụng các phương pháp và kênh VĐCS để tiếp cận, truyền tải thông điệp và gây ảnh hưởng tới tiến trình VĐCS	Tổ chức có năng lực VĐCS trực tiếp

Các câu hỏi sau có thể được dùng để TCXH cân nhắc vai trò:

- Vai trò nào là lựa chọn tốt nhất để gây tác động tới đối tượng mục tiêu?
- TCXH của bạn có mối quan hệ với các nhà hoạch định chính sách để cung cấp các tư vấn chuyên môn về các vấn đề chính sách không? (tham vấn chuyên môn)

- ✧ Tổ chức bạn có thể tiếp cận trực tiếp với đối tượng mục tiêu một cách cá nhân không? (vận động hành lang trực tiếp?)
- ✧ Tổ chức của bạn có thể hỗ trợ các tổ chức khác để thực hiện VĐCS không? (nâng cao năng lực)
- ✧ Tổ chức bạn có thể đại diện cho nhu cầu, lợi ích cho một nhóm và làm trung gian để ảnh hưởng tiến trình thay đổi chính sách không? (đại diện và giám sát)

3.5. CÂU HỎI 5: CHÚNG TA BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

Sau khi tất cả các công việc phân tích đã kết thúc, câu hỏi này trả lời cho việc chúng ta sẽ bắt đầu chiến lược như thế nào.

Chiến lược được hiểu là “sự lựa chọn phương thức hành động tối ưu nhất nhằm đạt một mục tiêu nhất định” (MSD, 2015)⁷. Hiểu một cách đơn giản, chiến lược cần giải quyết tổng hợp các vấn đề sau:

- ✧ Xác định chính xác mục tiêu cần đạt được;
- ✧ Xác định con đường hay phương thức hiệu quả tối ưu để đạt mục tiêu;
- ✧ Định hướng huy động và phân bổ nguồn lực tối ưu để đạt mục tiêu.

Như vậy, chúng ta cần xác định mục tiêu, các kết quả, các hoạt động, các kế hoạch phân bổ nguồn lực và ngân sách cho VĐCS.

3.5.1. Công cụ 13: Mục đích và mục tiêu SMART

Mục đích: Mục đích đưa ra bức tranh tổng quát cho công việc mà tổ chức đang dự định thực hiện. Mục đích có tính chất dài hạn và định hướng cho hoạt động của tổ chức, giúp tổ chức xác định đích hướng tới và con đường (chiến lược) để đạt được đích đó.

Mục tiêu: Mục tiêu là các tác động hay ảnh hưởng dự kiến mà tổ chức thực hiện, những thay đổi cụ thể mà tổ chức muốn làm để góp phần đạt được mục đích.

Các tiêu chí cần có cho việc viết mục tiêu là SMART, trong đó:

S - Specific = Cụ thể

M - Measurable = Có thể đo đếm được

A - Achievable = Có thể đạt được

R - Relevant/ Realistic = Phù hợp/ khả thi

T - Time-bound = Có thời gian xác định cụ thể

3.5.2. Công cụ 14: Kế hoạch thực hiện và phân bổ nguồn lực

Để thực hành công cụ này, TCXH cần trả lời các câu hỏi:

- ✧ Làm việc gì?
- ✧ Thời gian nào?
- ✧ Cần nhân sự thế nào để thực hiện công việc này?
- ✧ Ngân sách bao nhiêu? Nguồn từ đâu?

⁷ “Tài liệu hướng dẫn thực hành Minh bạch giải trình cho các TCXH, MSD, 2015”

- ⊗ Các đầu vào cần có?
- ⊗ Ai chịu trách nhiệm thực hiện công việc này?
- ⊗ Các đầu ra cần đạt?

Ví dụ minh họa:

Hoạt động	Thời gian	Đầu vào	Đầu ra	Người chịu trách nhiệm	Ngân sách	Nguồn ngân sách
Tổ chức hội thảo tham vấn các bên liên quan xây dựng chiến lược VDCS	Tháng 5/2012	- Đại biểu: 5 đại diện nhà nước, 10 đại diện chuyên gia và các TCXH, ... - Dự thảo chiến lược - Hậu cần tổ chức: địa điểm, ăn trưa, giải lao cho đại biểu... - Hậu cần cho đại biểu ngoại tỉnh; vé máy bay, phòng nghỉ...	- Chiến lược với ý kiến đóng góp, bổ sung của đại biểu tham dự	- Giám đốc - Chuyên gia tư vấn - Cán bộ dự án - Kế toán	3,000 USD	Cứu trợ trẻ em quốc tế

Biểu đồ GANTT

Hoạt động	2012				2013			
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Xây dựng dự thảo chiến lược và kế hoạch VDCS về giám sát Luật trẻ em								
Tổ chức hội thảo tham vấn các bên liên quan hoàn thiện chiến lược VDCS								
Thành lập mạng lưới CRG (CRG) của các TCXH								
Tổ chức sinh hoạt theo mạng lưới								
Tổ chức đối thoại lần 1 với chính phủ về...								
Tổ chức đối thoại lần 2 với chính phủ về...								
Tổ chức ăn trưa và vận động hành lang với... về...								

3.6. CÂU HỎI 6: LÀM THẾ NÀO CHÚNG TA BIẾT RẰNG CHÚNG TA ĐANG LÀM TỐT?

Giám sát và đánh giá luôn song hành, tuy nhiên, giám sát khác đánh giá ở chỗ:

Giám sát trả lời câu hỏi: (1) Chúng ta đã hoàn thành việc chúng ta dự định chưa, có đúng ngân sách không?; (2) Nếu chưa thì tại sao và chúng ta cần thay đổi như thế nào?

Đánh giá trả lời câu hỏi: (1) Chúng ta đã đạt được mục tiêu mà chúng ta đặt ra hay chưa?; (2) Nếu chưa, tại sao và chúng ta cần làm gì để thay đổi?

Giám sát	Đánh giá
Thu thập thông tin thường xuyên	Tiếp cận thông tin theo giai đoạn
Đo lường các hoạt động	Đánh giá mức độ thành công
Kiểm tra xem công việc có được thực hiện đúng tiến độ và ngân sách	Đánh giá xem mục tiêu đã đạt được hay chưa
Thường sử dụng nhân sự trong chương trình	Thường sử dụng cả nhân sự bên trong chương trình và nhân sự/ tư vấn độc lập
Thường đưa ra các giải pháp để sửa chữa hoặc giải quyết vấn đề	Thường đưa ra các thay đổi mang tính chiến lược

Cách thực hiện: Bước hoạt động này đơn giản hơn so với các bước khác nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong tiến trình VDCS của các TCXH, giúp tổ chức xây dựng được năng lực cho tổ chức và đúc rút được những kinh nghiệm quý báu. Do đó, hoạt động này không nên bị bỏ qua hoặc xem nhẹ.

Một số lý do cần thực hiện giám sát, đánh giá cho tiến trình VDCS như sau:

- ⊗ Kiểm tra công việc VDCS có đúng theo tiến độ và kế hoạch, liệu có cần điều chỉnh chiến lược, kế hoạch như thế nào để đạt hiệu quả cao hơn;
- ⊗ Kiểm tra xem liệu mục tiêu đã đạt được hay chưa, có thể đạt được không;

- ✧ Đúc rút kinh nghiệm cho các hoạt động VĐCS tiếp theo;
- ✧ Giải trình với các bên liên quan về công việc mà tổ chức đã thực hiện.

Lưu ý:

Trong tiến trình giám sát đánh giá tiến trình VĐCS, sẽ rất tốt nếu các tổ chức có thể thực hiện song hành với các công việc sau đây:

- ✧ Tư liệu hoá quá trình thực hiện VĐCS, cập nhật và chia sẻ với các bên liên quan dưới các hình thức khác nhau như hội thảo báo cáo, thư điện tử, bản tin v.v
- ✧ Xây dựng các trường hợp điển hình (nếu có).

Trên cơ sở này, các TCXH có thể vừa đúc rút bài học kinh nghiệm để nâng cao năng lực cho tổ chức, chia sẻ cho các TCXH khác, vừa là hình thức giải trình, quảng bá cho hoạt động VĐCS của tổ chức.

4. LỒNG GHÉP VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN TRỊ QUYỀN TRẺ EM VÀO HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC

Ngoài các tổ chức có sứ mệnh tập trung vào việc thúc đẩy thực thi QTE, các TCXH khác với vai trò là tổ chức đại diện và phục vụ nhu cầu và lợi ích của các nhóm cộng đồng, đặc biệt là các nhóm cộng đồng thiệt thòi trong xã hội cũng bao gồm trẻ em thì VĐCS là một phần không tách rời trong hoạt động của TCXH. Các TCXH có thể lựa chọn để trở thành:

- ✧ Tổ chức VĐCS chuyên nghiệp;
- ✧ Lồng ghép hoạt động VĐCS về CRG vào hoạt động của tổ chức thông qua các dự án, các chương trình và các cơ hội tham gia khác của tổ chức

Tại Việt Nam, có Hội bảo vệ QTE Việt Nam là tổ chức chuyên trách trong việc hỗ trợ và VĐCS về thực ti QTE nhưng chưa có mô hình tổ chức VĐCS chuyên nghiệp, do đó, các tổ chức có thể bắt đầu phát triển theo định hướng này bằng cách lồng ghép VĐCS vào các hoạt động của tổ chức. Để thực hiện việc này, TCXH cần thực hành 3 nội dung sau:

1. Xác định việc tham gia VĐCS về CRG liên quan như thế nào tới sứ mệnh và chiến lược phát triển tổ chức;
2. Xác định VĐCS ảnh hưởng như thế nào tới tổ chức
3. Đảm bảo VĐCS là một phần không thể tách rời của hoạt động tổ chức

Xác định việc tham gia vận động và đánh giá xây dựng chính sách liên quan như thế nào tới sứ mệnh và chiến lược phát triển tổ chức:

Thực tế, hầu hết các TCXH vẫn thực hiện việc VĐCS một cách tự nhiên trong các hoạt động tổ chức, tuy nhiên họ không nhận thức được điều này. Nếu các tổ chức có thể xác định được cụ thể các công việc VĐCS trong các hoạt động của mình, bằng việc hệ thống hoá và sử dụng các chiến thuật VĐCS phù hợp, các hoạt động VĐCS sẽ phối hợp với các hoạt động khác của tổ chức một cách hiệu quả hơn. Nếu các TCXH chưa từng thực hiện các hoạt động VĐCS, việc nghiên cứu lồng ghép VĐCS vào hoạt động của tổ chức có thể khiến cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức, đóng góp cho sứ mệnh của tổ chức.

Các bước xác định việc tham gia VĐ&ĐGXD CS liên quan như thế nào tới sứ mệnh và chiến lược phát triển tổ chức bao gồm:

- ✧ Nêu ra sứ mệnh và mục tiêu của tổ chức;
- ✧ Liệt kê các hoạt động liên quan đến VĐCS mà tổ chức đã thực hiện (nếu có);
- ✧ Xác định các đóng góp của các hoạt động này tới việc thực hiện sứ mệnh và mục tiêu của tổ chức;
- ✧ Xác định tiếp với sứ mệnh và mục tiêu, còn hoạt động VĐCS nào khác nữa mà tổ chức chưa thực hiện, nên thực hiện - đây là các hoạt động VĐCS tiềm tăng trong tương lai của tổ chức.

Xác định VĐCS ảnh hưởng thế nào tới tổ chức

Các TCXH cần hiểu rõ việc tham gia VĐ CS ảnh hưởng như thế nào tới các thành viên của tổ chức như: Ban quản lý, nhân viên, các tình nguyện viên, chuyên gia v.v và các hoạt động của tổ chức. Bên cạnh những lợi ích mà VĐCS mang lại, các TCXH cũng cần cân nhắc đến những khó khăn hay thách thức, hạn chế mà việc VĐCS có thể gây ra cho tổ chức. Cần đảm bảo rằng các hoạt động VĐCS mà tổ chức lựa chọn sẽ mang lại lợi ích và giúp tăng cường năng lực hoặc tiếng nói của tổ chức thay vì hạn chế sự phát triển của tổ chức. Một điều nữa tổ chức nên lưu ý là việc tham gia VĐCS sẽ tăng khối lượng công việc cho tổ chức vì việc VĐCS đôi khi mất nhiều thời gian. Các hoạt động cần có kế hoạch cụ thể, không nên để VĐCS chỉ là một hoạt động phát sinh nhất thời, không đầu tư thời gian, công sức sẽ gây lãng phí cho tổ chức.

Việc xác định VĐCS do đó là một bước quan trọng để tổ chức xác định mức độ đầu tư của tổ chức vào việc VĐ & ĐGXD CS. Để thực hiện bước này, tổ chức chỉ cần đặt câu hỏi:

- ✧ Việc tham gia VĐ&ĐGXD CS có ảnh hưởng như thế nào tới hoạt động và các thành viên trong tổ chức?
- ✧ Có các lợi ích gì? Các rủi ro gì? Cách khắc phục rủi ro là gì?

Ví dụ minh họa:

Lợi ích	Rủi ro	Chiến lược giảm thiểu tác động của rủi ro
✧ Giúp tổ chức đạt được sứ mệnh/ mục tiêu đề ra; ✧ Nâng cao năng lực cho cán bộ và tổ chức; ✧ Tăng cường tiếng tăm và tiếng nói cho tổ chức; ✧ Có cơ hội kết nối với các TCXH khác cấp quốc gia, quốc tế; ✧ Dễ thu hút tài trợ; ✧ Tăng cường mức độ tham gia chủ động và tiếng nói cho nhóm trẻ em ✧ Có môi trường hoạt động thuận lợi hơn trong mảng nâng cung cấp dịch vụ cho trẻ em	✧ Thêm rất nhiều công việc phát sinh ✧ Tạo ra nhu cầu và mong muốn mới cho trẻ em và gia đình có thể vượt quá năng lực đáp ứng của tổ chức ✧ Thêm mảng hoạt động, không tập trung vào cung cấp dịch vụ nữa	✧ Xác định rõ VĐCS phục vụ cho sứ mệnh của tổ chức như thế nào, vấn đề VĐCS trọng tâm ưu tiên, phù hợp với năng lực của tổ chức ✧ Có chiến lược và kế hoạch rõ ràng về VĐCS ✧ Phân bổ nhân sự và nguồn lực phù hợp, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực

Đảm bảo VĐ& ĐGXD CS là một phần không thể tách rời của hoạt động tổ chức

Đây là việc đảm bảo trong chiến lược, kế hoạch hoạt động, ngân sách và kế hoạch giám sát đánh giá của tổ chức có bao gồm hoạt động VĐ&ĐGXD CS. Tổ chức nên trả lời các câu hỏi sau:

- ✧ Hoạt động VĐCS nên là hoạt động riêng rẽ hay là hoạt động không thể tách rời trong hoạt động của tổ chức?
- ✧ Làm thế nào để tổ chức có thể đảm bảo thực sự tham gia VĐCS chứ không phải chỉ trên lý thuyết?

- ✧ Có các cản trở nào cho tổ chức thực hành VĐ CS? Làm thế nào để vượt qua các trở ngại đó?
- ✧ Các hoạt động VĐCS mới được bổ sung như thế nào vào hoạt động của tổ chức? Tổ chức nên thực hiện ngay hay chờ tới vòng kế hoạch tiếp theo?
- ✧ Hoạt động VĐCS được bổ sung như thế nào vào chiến lược, kế hoạch, ngân sách và bảng mô tả công việc của nhân viên tổ chức?
- ✧ Việc giám sát đánh giá VĐ CS của tổ chức được thực hiện như thế nào?

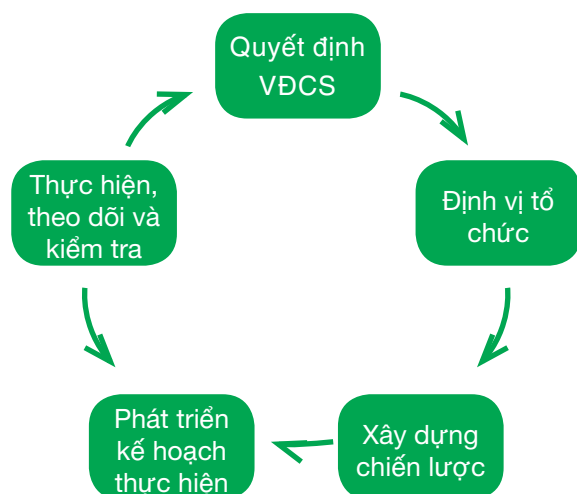
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA TỔ CHỨC

Giống như bất kỳ công việc nào khác, để thực hiện VĐCS một cách hiệu quả, các TCXH cần có một chiến lược VĐCS hiệu quả.

Chiến lược Vận động chính sách của tổ chức cần trả lời các câu hỏi:

- ✧ VĐCS gì? Tại sao?
- ✧ VĐCS được thực hiện như thế nào để đảm bảo hiệu quả? Và
- ✧ Sử dụng các nguồn lực như thế nào cho hiệu quả?

Chu trình xây dựng chiến lược Vận động chính sách bao gồm:



Trong đó mỗi bước cần thực hiện các công việc sau:

B1: Quyết định VĐCS	B2: Định vị tổ chức	B3: Xây dựng và phát triển kế hoạch thực hiện	B4: Thực hiện, theo dõi và kiểm tra
Quyết định VĐCS gắn liền với sứ mệnh và mục tiêu chiến lược và các nguyên tắc/giá trị của tổ chức	Định vị cấp độ chiến lược: ✧ Lĩnh vực vận động chính sách ✧ Vai trò mà tổ chức dự định đảm nhiệm ✧ Cấp độ địa lý lựa chọn (xã, huyện, tỉnh/ tp, quốc gia) Định vị cấp độ tổ chức: ✧ Môi trường bên ngoài ✧ Năng lực và nguồn lực; thực tế, mong muốn và khoảng cách Phân tích tổng hợp SWOT/BEEM	Xây dựng mục đích và mục tiêu Xây dựng kế hoạch phân bổ và phát triển nguồn lực Xây dựng kế hoạch thực hiện	Thực hiện và theo dõi, kiểm tra: ✧ Kế hoạch hành động; ✧ Cơ cấu tổ chức; ✧ Cơ cấu ra quyết định; ✧ Nhân lực tổ chức; ✧ Văn hóa công ty và môi trường quản lý.

Việc thực hiện các công việc đầy đủ các công việc trên, việc xây dựng chiến lược VĐCS, bao gồm cả sự tham gia của trẻ em là vô cùng cần thiết. Mẫu chiến lược VĐCS sau được phát triển bởi MSD có thể được dùng làm tham khảo mẫu VĐCS cho các TCXH một cách đầy đủ và hiệu quả.

Godon, Graham, “Practical action in Advocacy”, 2002, TearFund Publication

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015

Quỹ Châu Á, “Huy động công chúng tham gia xây dựng chính sách và pháp luật”, 2010, Quỹ Châu Á

Sprechmann, Sofia và Pelton, Emily, “Advocacy Tools and Guidelines”, 2001, CARE

MSD “Cẩm nang Vận động chính sách cho các TCXH Việt Nam”, 2012;

MSD, “Cẩm nang tư vấn, phản biện và đóng góp xây dựng chính sách của các TCXH Việt Nam”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, 2011

UNICEF, Bộ công cụ vận động chính sách, 2010

Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững, Bộ sổ tay CRG hiệu quả, 2018



THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CỨU TRỢ TRẺ EM

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em là tổ chức phi Chính phủ lớn nhất hoạt động vì trẻ em trên thế giới. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em được thành lập năm 1919 và hiện đang làm việc tại 120 quốc gia.

Sứ mệnh của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em là thúc đẩy những đột phá trong việc quan tâm tới trẻ em trên thế giới nhằm đạt được sự thay đổi nhanh chóng và lâu dài cho cuộc sống của trẻ em.

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tin rằng mọi trẻ em đều xứng đáng có một tương lai. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em mang đến cho trẻ em trên thế giới một khởi đầu tốt đẹp hơn trong cuộc sống, cơ hội để học tập và được bảo vệ khỏi bị xâm hại *“Chúng tôi làm tất cả những gì cần phải làm cho trẻ em – trong cuộc sống hàng ngày và trong những thời điểm khủng hoảng – để thay đổi cuộc sống của các em và tương lai của tất cả chúng ta”*

Tham vọng của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đến năm 2030 là thúc đẩy ba bước đột phá sau:

- **Sống còn:** Không có trẻ em nào bị tử vong vì những lí do có thể phòng tránh được trước 5 tuổi
- **Học tập:** Tất cả trẻ em có được một nền giáo dục cơ bản có chất lượng
- **Được bảo vệ:** Bạo lực đối với trẻ em không còn được dung túng.

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em bắt đầu hoạt động tại Việt Nam vào năm 1990, từ đó đến nay, chương trình của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đã phát triển, mở rộng và hiện bao gồm những lĩnh vực chính là Giáo dục, Sức khỏe và Dinh dưỡng, Bảo vệ trẻ em, Quản trị Quyền Trẻ em, Giảm nghèo cho Trẻ em, Giảm nhẹ Rủi ro, Thiên tai và Ứng phó Khẩn cấp.

Hiện nay Tổ chức Cứu trợ Trẻ em có mặt ở 20 tỉnh trên cả nước với văn phòng tại Hà Nội, Lào Cai, Đà Nẵng và Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi thực hiện chương trình, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em cộng tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, khối tư nhân cũng như các viện nghiên cứu. Tài trợ thực hiện chương trình của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em đến từ các Chính phủ, Doanh nghiệp, Quỹ và Tổ chức, cũng như từ những nhà tài trợ cá nhân.

Để đạt được những thay đổi trực tiếp và lâu dài cho cuộc sống của trẻ em Việt Nam, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em thực hiện cả chương trình phát triển và nhân đạo. Trong các chương trình khác nhau, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em cố gắng rằng **MỌI TRẺ EM** sẽ có cơ hội để Sống Còn, Học Tập và Được Bảo Vệ. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em chú trọng đặc biệt vào những trẻ em dễ bị tổn thương và yếu thế nhất trong một cộng đồng, bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em nhập cư và gia đình của các em.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoại: +84 24 38515380; Fax: +84 24 38515381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

ĐT: +84 28 38390970; Fax: +84 28 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

Võ Thị Kim Thanh

Biên tập

Mai Thị Thanh Hằng

Biên soạn:

Ths. Nguyễn Phương Linh

Hiệu đính: Ths. Nguyễn Thị Bích Diệp

và các thành viên Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD)
(tái bản 2019)

In 500 cuốn, khổ 14.5x21cm, tại Công ty CP In và truyền thông Gia Long

Đc: Số 5 Ngõ 1194/61/2 Đường Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4788-2016/CXBIPH/17-330/LĐ.

Số quyết định: 1514/QĐ-NXBLĐ ngày 30/01/2019 Mã ISBN: 978-604-59-7391-2

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2019



Sách không bán

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MSD)

ĐT: +84 24 62769056

Email: contact@msdvietnam.org / Website: www.msdvietnam.org